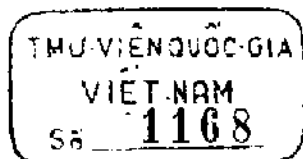


PHỦ THỦ - TƯỚNG
HỌC-VIỆN QUỐC-GIA HÀNH-CHÁNH

*Luận-Văn Cốt-Nghiệp
Độc-Sự Hành-Chánh*

**VẤN-ĐỀ THI-CỬ
CỦA NỀN GIÁO-DỤC VIỆT-NAM HIỆN TẠI**

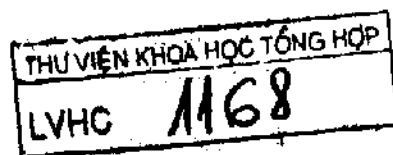


Giáo sư hướng dẫn:
LÊ-VĂN-THẬN



Sinh viên đệ trình:
DƯƠNG-VĂN-VÀNG

Ban Đốc-sự 14
1966 — 1969



LỜI NÓI ĐẦU

Sượt 3 năm 6 tháng ròng-rã, thụ-huấn dưới mái Học-Viện Quốc-Gia Hành-Chánh, chúng tôi đã được học hỏi về lý thuyết cũng như áp-dụng lý-thuyết vào thực-hành trong 2 giai-đoạn, thực-tập tại địa-phương và trung-ương để kiến-toàn sở-đắc của một cán-bộ Hành-Chánh về các phương-diện: chánh-trị, hành-chánh, kinh-tế, tài-chánh, xã-hội, luật-pháp, chỉ-huy lãnh-đạo... Tập luận-trình này được đề xuất đánh dấu thời gian thụ-huấn của chúng tôi chấm dứt để bắt đầu cuộc hành trình tham gia vào guồng máy hành chánh quốc-gia.

Trước khi đi vào cuộc hành trình của nghề-nghiệp, chúng tôi THÀNH KÍNH BIẾT ƠN GIÁO-SƯ VIỆN-TRƯỞNG, PHÓ VIỆN-TRƯỞNG với lòng ngưỡng-mô tốt đẹp của chúng tôi. Quý vị như những tấm gương sáng tương trưng cho thanh-cần-liêm-chính mà chúng tôi nguyện noi theo trên con đường phụng sự dân tộc.

Chúng tôi xin THÀNH KÍNH BIẾT ƠN QUÍ VỊ GIÁO-SƯ trong Ban Giảng-Huấn đã tận tình dạy bảo chúng tôi về lý thuyết cũng như về kinh-nghiệm quý báu đồng thời còn ban cho chúng tôi tác phong và đức độ của một nhà chỉ-huy hành-chánh. Vốn liếng đã thấm lượm được, kinh-nghiệm đã lãnh hội được nơi Quý vị, chúng tôi sẽ cố gắng mỗi ngày phong phú hóa thêm lên.

Hành-chánh đa-diện. Dù chúng tôi có được huấn-luyện bao nhiêu, nhưng trước khi bước ra xã-hội vẫn cảm thấy e-dè với tư-tư có đóng góp ích lợi gì cho xứ sở dù là đóng góp vô cùng khiêm-nhượng hay không? Nhất là lúc xứ sở thân yêu đang trải qua giai-đoạn buồn thảm nhất của lịch-sử do tình-trạng chiến tranh và sự bất ổn cố về nhiều phương diện trong những tháng năm dài của dĩ-vãng.

Cuối cùng, chúng tôi vẫn thấy tin-tưởng vì dù thời cuộc có thăng trầm, xô-bò và lật lọng cứ tiếp diễn, trở hệ sân khấu quốc gia mĩ hoạt nào nhưng đi trước chúng tôi đã có những người trọn đời âm thầm hiến mình cho tổ-quốc, bên cạnh chúng tôi có những người đang nằm xuống cho quê hương. Chúng tôi nguyện cố gắng để khỏi phụ lòng người đi trước và xứng đáng với kẻ đi sau.

VỀ PHẬN KHẢO-CỨU LUẬN-TRÌNH chúng tôi đã may mắn được sự hướng dẫn; chỉ bao và kiêu-chính của GIÁO-SƯ LÊ-VĂN-THẬN Học-Viện Quốc-Gia Hành-Chánh. Giáo-sư LÊ-VĂN-THẬN đã từng giữ chức vụ Tổng Thư-Ký Bộ Giáo-Dục và am-tường tất cả mọi vấn đề về giáo-dục. Chúng tôi xin chân thành gửi đến Giáo-sư lòng ngưỡng mộ và cảm ơn sâu xa của chúng tôi.

Chúng tôi cũng xin cảm ơn sự giúp đỡ về ý-kiến và tài - liệu của :

- Giáo-sư PHẠM-HOÀNG-HỘ Viện-trưởng, và phòng liên-lạc Viện Đại-Học Cần-Thơ.
- Giáo-sư NGUYỄN-VĂN-TRUNG khoa-trưởng Đại-Học Văn-Khoa Saigon
- Ô. Tổng Thư-Ký và Quý-Vị Chủ-Sự Phòng Học-Vụ, Thống-Kê Viện Đại-Học Saigon.
- Giáo-sư NGUYỄN-VĨNH-NIÊN khoa-trưởng Đại-Học Dược-Khoa.
- Ông NGUYỄN-THANH-LIÊN, chuyên-viên văn-phòng phụ-tá Tổng-Thống về Giáo-Dục, nguyên Chánh Thanh-Tra Khảo-Thí, Thầy đã dạy tôi những năm vỡ lòng về văn-chương và triết-học tại trường Pétrus-Ký.
- Ô. GIÁM-ĐỐC, Quý-Vị Chủ-Sự Phòng I, 2 Nha Khảo-Thí.
- Ô. VĂN-VĂN-ĐÂY, Thanh-Tra Khảo-thí Kỹ-Thuật.
- Ô. LÊ-ĐÌNH-TOÁN, Chủ-Sự Phòng Khảo-Thí Kỹ-Thuật.
- Các bạn tôi : CHÂU-THÀNH-TÍCH (Giáo-Sư Pétrus Ký) TRẦN-VĂN-MỸ (Giáo-sư, Nha Khảo-Thí) NGUYỄN-VĂN-SƠN (Cao-Học Chánh-trị, Đà-Lạt) cũng đã giúp tôi nhiều tài-liệu.

VỀ PHẬN THỰC TẬP, chúng tôi xin cảm ơn

- Ô. GIÁM-ĐỐC Nha Kỹ-Thuật và chuyên-nghiệp
- Ô. PHẠM-VĂN-MÃO, Thanh-Tra Chuyên-Nghiệp.
- Ô. NGUYỄN-HỮU-HỒNG, Thanh-Tra Khảo-Thí.
- Ô. HUỲNH-VĂN-NAM Chủ-Sự Phòng H.C.
- Ô. NGUYỄN-HỮU-TY, Chủ-Sự Phòng Học-Vụ.
- Ô. TRỊNH-NGỌC-HIỀN, Chủ-Sự Phòng Kế-Toán.
- NHÂN-VIÊN Nha Kỹ-Thuật đã giúp đỡ tôi rất nhiều trong 6 tháng vừa qua.

Với BÀNG-HỮU ĐỒNG-VIÊN : chúng tôi xin gửi lời chào và cầu chúc Quý-Vị thành công trên con đường phục-vụ nền Hành-Chánh Quốc-Gia trước khi rời Học-Viện với nhiều kỷ-niệm thân yêu.

Saigon Quý-Thu 1969
DƯƠNG-VĂN-VÀNG

DÀN Ý TỔNG QUÁT

<u>PHẦN DẪN NHẬP</u> : Khảo-hướng tổng-quát	trang
A. Tầm quan trọng của thi-cử đối với nền văn-hóa trong văn-băng	I
B. Vai-trò của từng lớp trí-thức khoa-băng đối với quốc-gia	3
1. Trí-thức khoa-băng Nho-Học	3
2. Trí-thức khoa-băng tân-học	3
C. Các vấn đề khó khăn của nền giáo-dục hiện tại.	
1. Về tổ chức	5
2. Về nhân sự	5
3. Về Ngân-sách	6
4. Về thi-cử	6

PHẦN THỨ NHẤT : MÔ TẢ THỰC TRẠNG THI-CỬ CỦA NỀN GIÁO-DỤC HIỆN TẠI

CHƯƠNG THỨ NHẤT : Quan-niệm tổng quát về việc học và việc thi

Đoạn A : Quan-niệm về việc học

1. Quan-niệm sai lầm	8
2. Quan-niệm đúng	9

Đoạn B : Quan-niệm về thi-cử

1. Trên bình-diện người tổ chức	
a. Thi-tuyển (concours)	10
b. Khảo-sát (examen)	11
2. Trên bình-diện người dự thí	11

Trang

CHƯƠNG THỨ HAI : Các nguyên tắc tổng-quát về thi cử.

Đoạn A : Nguyên-tắc chọn đề thi

1. Thi-tuyển	"	12
2. Thi lên lớp.	"	13
3. Thi văn-băng.	"	13

Đoạn B : Nguyên-tắc mật của đề thi " 14

Đoạn C : Nguyên tắc về kỹ-luật phòng thi . . . " 15

1. Lúc thí sinh vào phòng thi	"	15
2. Lúc thí sinh làm bài	"	16
3. Những hành thức gian lận và chế tài	"	16

Đoạn D : Nguyên tắc chấm thi " 17

1. Tính cách vô danh của bài thi	"	17
2. Công việc của giám khảo : chấm thi	"	18
3. Hệ số các môn thi	"	18

CHƯƠNG THỨ BA : HỆ-THỐNG TỔ-CHỨC THI-CỬ HIỆN HÀNH

Đoạn A : Việc thi cử ở Tiểu-Học và Trung-Học

1. Cơ-quan tổ chức	"	22
2. Nhân-viên thừa hành	"	23
3. Kết quả các kỳ thi	"	24

Đoạn B : Việc thi cử ở Đại-Học.

1. Thể-thức thi theo đường chỉ	"	25
2. Thể thức thi theo hệ thống năm	"	29
3. Thể-thức thi theo tín chỉ	"	32

PHẦN THỨ HAI : BÌNH NGHỊ LỀ LỐI THI-CỬ HIỆN TẠI VÀ PHÁC-HOẠ CHIỀU HƯỚNG CẢI TỔ.

CHƯƠNG THỨ NHẤT : Bình-nghị lề-lối thi-cử hiện tại " 34

	Trang
<u>Đoạn A</u> : Lê-lối thi-cử của nền giáo-dục thiếu chính sách.	34
<u>Đoạn B</u> : Lê-lối thi cử của các nguyên tác sai lầm	35
1. <u>Về nguyên tác chọn đề :</u>	
a. Đề thi không thể bao gồm những điều đã dạy.	36
b. Không kiểm-soát đúng mức trình độ thí-sinh	36
c. Việc may rủi đóng vai trò quan trọng	37
d. Việc giảng huấn phạm sự phạm	37
2. <u>Về nguyên tác mật và bảo mật đề thi :</u>	
a. Khó khăn đối với viên chức phụ trách	38
b. Khó khăn đối với việc thực hiện . . .	38
c. Khó khăn đối với việc chế tài	39
3. <u>Về nguyên tác kỹ-luật phòng thi :</u>	
a. Đối với thí sinh vô kỹ luật	40
b. Đối với giám thị thiếu lương tâm . .	40
4. <u>Về thể-thức chấm thi :</u>	
a. Tính cách vô danh của bài thi . . .	40
b. Tính cách chủ quan của giám khảo.	41
<u>Đoạn C</u> : Lê lối thi cử của hệ-thống tổ chức phi-lý	
1. Khuyết điểm của việc tổ chức thi cử ở Trung-Học	41
2. Ưu - khuyết của việc tổ chức thi cử ở Đại-Học.	44

CHƯƠNG THỨ HAI : PHÁC HOẠ CHIỀU HƯỚNG CẢI TỔ THI-CỬ

<u>Đoạn A</u> : Giải-pháp cấp thời.	47
---	----

	Trang
1. Áp dụng rộng rãi loại đề trắc nghiệm	" 47
2. Phát thanh đề thi	" 49
3. Thu lệ phí thi cử	" 50
4. Cải-thiện tình trạng giám-thị gác thi	

Đoạn B : Giải-pháp dài hạn.

1. Quy định chính sách giáo dục quốc gia	" 51
2. Hoàn thiện việc tổ chức thi-cử	" 53
a. Thay thế hệ thống thi cử bằng hệ thống tín chỉ và trao việc cấp văn-bằng cho các trường.	" 53
b. Bãi bỏ những đặc quyền cho người có văn bằng.	" 54

PHẦN TỔNG-KẾT :

A. Rút tĩa kinh nghiệm cải tiến giáo dục của Nhật-Bản	" 57
B. Vạch hướng đi cho Việt-Nam hậu chiến	" 59

*
*
*

thực thi tài kinh-bang tế-thể trong nhiệm-vụ phụng-sự quốc-gia dân-tộc đồng thời làm vinh-hiến cho bản thân cũng như cho gia-đình. Tất cả những bậc phụ-huynh đều có tham-vọng cho con em mình học hành đỗ đạt trở thành ông Công ông Nghè vinh-quy bá tử với áo mão xênh-xang với niềm tự tôn cao trọng. Người ta có thể chấp nhận mọi hy-sinh, chịu đựng mọi gian khổ hiện tại để đổi lấy mảnh văn-bằng do triều đình ban phát bên kia cánh cửa thi cử trong tương lai vì mảnh văn-bằng đem lại cho cuộc sống vô vàn cao sang quyền quý cho cả họ, cả đời. Xem như vậy, văn bằng là cứu cánh của việc học, là lá bùa hộ-mệnh cho cuộc sống mà muốn đạt được phải đi qua con đường thi cử. Quan niệm trên không một người Việt-Nam nào không coi là chân lý, có chăng là đối với những người coi đó như một hình ảnh trong vọng quá cao xa mà thân thể hiện tại của họ không thể nào đuổi bắt được.

Cho đến buổi hoàng hôn của nền Nho-Học, giấc mộng vàng son có quạt căn dai của sĩ tử Việt-Nam xưa cũng tàn theo cuối mùa khoa cử và chấm dứt vào khoa thi năm Mậu Ngọ (1918) tổ chức tại triều đình Huế. Một luồng gió mới của Tây-Học thổi sang đồng thời với cuộc đổ hộ của người Pháp trên đất nước Việt-Nam đem theo cả một hệ thống học-thuật, tư-tưởng, chánh trị, kinh-tế, văn-hóa, giáo dục ... Tuy vậy, quan niệm trọng văn-bằng của người Việt-Nam ta vẫn còn tồn tại. Lúc bấy giờ, với chính sách thuộc địa của người Pháp, trên bình diện chính-trị và hành chánh nên giáo-dục chỉ nhằm mục-đích "đào tạo những thầy thông - ngôn, phán-sự mà bậc cao nhất là tri-huyện, đốc-phủ-sứ tức là những người thừa hành hơn là chỉ-huy lãnh-đạo" (1) Do đó, giáo-dục và thi-cử thời Pháp thuộc cũng chỉ là cứu-cánh cho nhiều phần-tử mong muốn được vinh - thân, phì-gia, tôn thờ chủ-nghĩa cá-nhân và tinh thần trọng văn-bằng lại mang thêm một sắc-thái khác : sắc-thái thực-dân.

Từ khi Việt-Nam thu hồi nền độc-lập thực-sự năm 1954 đến nay, các lãnh vực chính-trị, quân sự, kinh tế, ngoại-giao hầu như đã hoàn toàn thay đổi, duy có lẽ lối giáo dục và thi cử vẫn còn nguyên - trạng tuy có vài cải tổ nhưng chỉ có tính cách vá vữa, tạm thời. Nhưng theo đà tiến hóa của dân tộc, thi cử không còn là con đường duy-nhất cho mọi công dân tham gia công việc xã hội. Thi-cử không còn là chiếc đũa thần vạn năng quyết định tất cả sự thành bại của cá nhân. Suy luận trở trong tinh thần đó, qua thật vai trò của những nhà trí thức khoa-bang đã thành đạt do con đường thi cử cũng đã biến đổi theo dòng thời gian đối với sự hưng thịnh của quốc-gia.

(1) Đinh-Đức-Huynh : Những cải tổ chương trình giáo dục từ 1963 đến nay
Luận-văn tốt nghiệp Đốc-Sự khóa 12.

B. VAI TRÒ CỦA TỪNG LỚP TRÍ-THỨC KHOA-BẢNG ĐỐI VỚI QUỐC-GIA .-

1.- Trí-thức khoa bảng Nho-Học :

Ngược dòng lịch-sử, quay về sinh hoạt văn-hóa, chính-trị trong xã hội Việt-Nam xưa, kiểm điểm lại công trình của các bậc tiền nhân đã thực hiện, người ta nhìn nhận rằng nền Nho-Học đã đào tạo nhiều nhân tài đóng góp những thành tích vẻ vang trong lịch-sử dựng nước và cứu nước. Tuy học cái học của người Tàu, Thi theo lẽ lối kinh-diện, suy luận theo phương-pháp Trình-Chu nhưng những nhà trí-thức khoa-bảng của Nho-Học xưa đã biết đem cái tinh túy của nền học-thuật ngoại lai bồi dưỡng cho tinh thần quốc-gia dân tộc. Không ai phủ nhận được giá trị lịch sử của áng-văn "Bình Ngô đại cáo" của Thái Học-sinh Nguyễn-Trãi thời Nhà Lê, cũng không ai quên được "Hịch tướng sĩ" của Hưng-Dạo-Vương dưới thời Nhà Trần đều viết bằng Hán-văn lại dùng để kể tội và đánh đuổi người Tàu. Tiếp theo sau, có biết bao danh nhân Việt-Nam xuất thân từ cửa Khổng sân Trình đã đứng lên làm tròn sứ mệnh trước lịch-sử trong những lúc, nguy-biến của quốc-gia. Những vị đó là những nhà trí thức khoa bảng Nho Học như : Tiên-sĩ Chu-văn-An, Tam-Nguyên, Nguyễn-Khuyến, Bảng-Nhan Lê-Quý-Đôn, giải nguyên Nguyễn-công-Trứ, Phó bảng Phan-dình-Phùng, Tiên-sĩ Ngô-thời-Nhiệm, tiên-sĩ Phan-thanh-Giản, Tiên sĩ Huỳnh-thúc-Kháng, Phó bảng Phan-đau-Trình, thủ-khoa Nguyễn-hữu-Huân, Thủ-khoa Bùi-hữu-Nghĩa.. Thật không lạ gì khi hiểu cái học của nhà Nho như một đạo học. Kẻ sĩ được đào tạo đức tính làm người vừa là nền tảng của mục-đích chính-trị theo 4 giáo điều : TU, TẾ, TRI, BÌNH.

Tuy-nhiên, phải khách quan mà nhìn nhận vai trò của thành phần trí thức khoa bảng thời xưa đối với quốc gia không phải như vậy mà gọi là chu-toàn. Trong suốt 4 ngàn năm lập-quốc, tiền nhân của chúng ta chỉ đóng nổi vai trò KẾ-TỤC người trước bằng những nền, nếp sẵn có mà không hề chú trọng đến phương diện SÁNG-TẠO, CANH-TÂN. Cả một quá khứ dằng dặc đầy u-uất của lịch sử, chưa bao giờ dân tộc Việt-Nam bước được một bước dài trên đường tiến bộ. Chỉ thấy những bi hùng của những cuộc tranh đấu chống ngoại xâm mà lúc đó là lúc giới khoa-bảng mới bằng hoàng chột tỉnh và hành động. Lịch-sử Việt-Nam cũng chỉ là lịch-sử đấu tranh giành độc lập.

2.- Trí-thức khoa-bảng tân-học :

Từ thời Pháp thuộc đến nay, trí thức khoa bảng tân-học được chia ra 2 thành phần :

chia ra 2 thành phần :

a) Thành phần thứ nhất, dù đã học và đã tốt nghiệp trong nước hay tại ngoại-quốc hồi-hương, đem cái sở học và tài năng của mình vào công cuộc phụng sự quốc gia dân tộc về mọi lãnh vực chánh-trị, văn-hóa, giáo dục, kinh tế, kỹ-thuật, thương mại, y-tế, xã-hội... tùy theo sở trường của mỗi cá nhân. Nổi bật nhất là công cuộc cách-mạng chống Pháp do những nhà ái-quốc tân-học lãnh-đạo như Nguyễn-thái-Học, Nguyễn-an-Ninh, Phan-văn-Hùm, Tạ-thu-Thâu... Đối với những thành tích của những nhà trí - thức khoa bảng đang thực-hiện trong hiện tại, lịch sử quốc gia đang chờ đợi thẩm xét giá-trị.

b) Thành phần thứ hai dùng "sức mạnh" của văn bằng vào mục - đích lợi ích bản thân và cho gia đình. Họ sử dụng bằng cấp làm đủ mọi cách trục lợi tạo nhà lầu, xe hơi và sống cuộc sống cá nhân sung-túc mà không nghĩ đến hậu quả phương hại đến quốc-gia, đồng bào. Thật là đáng thương cho một dân tộc khi có sự hiện diện đông đảo của hạng người này.

Trong những năm gần đây, cuộc diễn chánh-trị bất ổn cố của quốc gia đã thấy xuất hiện nhiều khuôn mặt trí-thức khoa bảng trở-trên mang đầy bản chất xôi-thịt là chứng nhân hùng hồn vai trò của thành phần trí thức khoa bảng nói trên. Người ta ví trí thức khoa bảng như con dao sắc nếu được sử dụng vào công việc lợi ích sẽ đem đến kết quả tốt đẹp, ngược lại mức độ nguy hiểm của con dao không thể lường trước được. Do đó những người đã thành đạt qua con đường thi cử chưa hẳn là đặc dụng cho quốc-gia dân tộc và những kẻ không phải là trí-thức khoa-bảng đều hoàn toàn bất tài.

Hơn thế nữa, trong khi cả một hệ-thống giáo-dục và thi-cử của quốc-gia hiện đang bị chỉ trích nặng nề là phản tiến-bộ, lạc-hậu, lỗi-thời... thì có gì bảo đảm cho những cá-nhân đang theo đuổi con đường khoa cử những thiện tâm phục-vụ quốc-gia. Thật vậy, nền giáo-dục quốc - gia đang gặp nhiều khó khăn cần cấp thời giải-quyet. Đó là các vấn đề kiện toàn tổ chức, huấn-luyện cán-bộ, gia-tăng ngân sách và cải-tổ thi-cử.

C. CÁC VẤN ĐỀ KHÓ-KHĂN CỦA NỀN GIÁO-DỤC HIỆN TẠI .-

Từ 5 năm trước, nhà hữu-trách về giáo-dục đã nhận ra các vấn đề khó khăn vấp phải và đã triệu tập Đại-Hội Giáo-Dục toàn-quốc vào tháng 10-1964 qui tụ trên 200 đại-biểu của 45 Tỉnh và Thị-Xã toàn-quốc gồm giáo-chức kinh-nghiệm, học-giả, nhân-sĩ, phụ-huynh học-sinh để thảo-luận và tìm phương-pháp, giải quyết tình-trạng lẩn nguy của nền giáo-dục nước

nhà. Đại-hội đã phân tích, mổ-xẻ, đúc kết và đề-nghị dự-án cải-tổ, nhưng đến nay trải qua bao thăng trầm của thời cuộc, nhiều Bộ-Trưởng giáo- dục nối tiếp nhau ra đi. Cuối cùng, nền giáo-dục vẫn không tiến triển khả quan hơn mà càng ngày càng rơi vào tình trạng sa lầy trầm trọng.

1)- Về tổ-chức : vẫn là tổ chức cũ, di sản của phong-kiến và thực dân. Tổ chức hệ thống giáo-dục theo thể-thức trung-ương tập quyền đã dành cho bộ phận đầu não ở trung-ương tất cả quyền uy trái với tinh-thần dân-chủ, đồng thời làm cho công việc điều hành quá nặng nề phức tạp khiến không thể giải-quyết được chu-đạo tất cả mọi vấn-đề. Tổ-chức giáo-dục như vậy; không một quốc-gia tân-tiến nào trên thế-giới còn có thể áp dụng.

Nhìn vào tổ-chức Bộ Văn-Hóa Giáo-Dục hiện tại, khuynh-hướng tập quyền của trung-ương thật độc đoán. Sự hiện diện của Nha Đại-Học, Nha Trung-Học, Nha Tiểu-Học, Nha Tư-Thục, Nha Khảo-thí, Nha Kỹ-Thuật Chuyên-Nghiệp quản trị tất cả các vấn đề thuộc phạm vi liên hệ trên toàn-quốc: xây dựng trường sở, tuyển bổ giáo chức, tổ chức thi-cử, quản trị tài-sản... Cả bộ máy nặng nề như vậy chuyển mình trong khi không có một chiều hướng tiến tới rõ-rệt : không có chính sách giáo-dục. Theo Giáo-sư Trần-văn-Kiến, Đông-Lý Văn-Phong Bộ Quốc-Gia Giáo-Dục đã nhận định : " Từ khi thu hồi độc-lập, nền giáo-dục Việt-Nam thiếu một chính sách rõ-rệt và một kế-hoạch toàn bộ để đáp ứng với nhu-cầu sinh hoạt của xứ sở và đào luyện một thế-hệ thanh-niên đủ đức-tính và tài-năng đảm trách những nhiệm - vụ hệ trọng trong tương lai" (2). Thật vậy, học đường cần đào-luyện thanh niên những đức tính cầu tiến, quả cảm, óc sáng-kiến và tinh thần trách nhiệm, lòng ái-quốc nhiệt thành, biết đặt quyền lợi chung lên trên quyền lợi tư và sẵn sàng hy-sinh cho quốc-gia dân-tộc. Bên theo những đức tính trên là khả năng cần thiết để góp phần vào công cuộc canh-tân xứ sở cho kịp đà tiến-hóa của nhân-loại.

2)- Vấn đề nhân sự :

Bên cạnh thiếu sót một chính sách giáo-dục rõ-rệt, vấn-đề nhân sự cũng là một khó khăn không nhỏ. Với một quy-chế tuyển-dụng và thăng thưởng không hợp lý, giáo-chức chia ra nhiều hạng, bậc cứng rắn làm cho một số lớn thiệt-thòi, tuyệt-vọng khi nhìn tới tương-lai của nghề-nghiệp làm rầy sinh bất mãn, vô trách-nhiệm. Số người đi học tăng gia trong lúc trường ốc và nhân-viên giảng-huan thiếu thốn, lại bị nhu-cầu quốc-phòng đòi hỏi một số giáo- chức vào phục-vụ trong quân ngũ làm cho nguồn nhân-lực càng khô cạn thêm.

(2) Diên-văn của GS. Trần-văn-Kiến tại Đại-Hội GDTQ IO/1964
Văn-hóa Ng.San 3-4 tháng 3, 4/1965 - trang 431-432,

Ở Đại-Học, người ta thấy một giáo-sư phải dạy một số lớn thời gian ở nhiều Viện-Đại-Học làm cho quý-vị đó không còn có thì giờ nghiên cứu, sáng tác thay vì cứ lập đi lập lại những điều đã có từ lâu.

Ở cấp Trung-Học bị đat hơn đa số giáo-sư tư-thục và các tỉnh không được huấn-luyện lý-thuyết sư-phạm, thành phần này có đến 50%.

Cấp Tiểu-Học trầm trọng nhất. Giáo-viên chia ra nhiều hạng, bậc: Giáo học bổ túc, giáo-viên tiểu-học, giáo-viên tiểu-học công-nhật, giáo viên tiểu-học phụ-khuyết, giáo-viên sư-cấp ... giáo-viên áp Tân-Sinh. Chính vì sự tuyển bổ bừa bãi và vội vàng hạng giáo-viên sau này mà nền tiểu-học căn-bản bị tuột dốc. Sau 3 tháng được huấn-luyện ở Trung-Tiểu-Học Tỉnh, nhiều người trình độ còn kém hơn học-sinh và được bổ dụng phục vụ tại các Ấp Tân-Sinh. Quan sát thành phần giáo-viên này, người ngoại quốc cho họ là những người "the ninety days wonders" (90 ngày ngo-ngác) (3).

3)- Ngân-sách giáo-duc :

Từ năm 1955 đến nay, Bộ Giáo-Dục hàng năm chỉ được cấp một ngân khoản chi-tiêu quá khiêm nhường đối với ngân sách các bộ khác. Ngân khoản đó tăng giảm trong khoảng từ 3 đến 9% Ngân-sách quốc-gia trong khi các quốc gia khác, ngân-khoản giáo-duc chiếm từ 18 đến 30% ngân-sách quốc gia như Nhật-Bản, Hoa-Kỳ, Nga-Sô... Ông Lê-trọng-Vinh, Thứ-Trưởng giáo dục, năm 1967 trong buổi tiếp xúc với giáo-chức tại Ty Tiểu-Học An-Xuyên đã tuyên-bố : " Với ngân-khoản 4.234.800.000 (tức 5,6% NSQG) Bộ Giáo-Dục, chỉ có thể chi phí trả thù lao cho giáo-chức, nhân-viên và văn-phòng phấm và không thể xây cất, trang bị thêm trường-sở, học vụ nào cả (4). Do đó, dù cho một kế hoạch có hoàn mỹ đến đâu nhưng thiếu nguồn tài-trợ không bao giờ có thể thực hiện được.

4)- Vấn đề thi-cử :

Vấn đề khó khăn chịu nhiều áp lực thúc bách nhất là vấn đề thi cử. Báo chí, phụ-huynh học-sinh, học giả đã liên tiếp chỉ-trích lẽ-lỗi thi cử hiện đang áp dụng. Ngay cả giới chức hữu-trách và giáo-duc cũng đã hơn 1 lần kiểm điểm lại và đề nghị cải tổ nhưng chỉ có tính cách nhất thời hay đứng trên bình diện riêng biệt. Tuy-nhiên, sự kiện trên chứng tỏ một

(3) Phúc-trình kế-hoạch hậu-chiến. Nhóm kinh-tế hậu-chiến, tập 3, trang 614.

(4) Buổi tiếp xúc này, có sự tham dự của chúng tôi với tư-cách đại-diện Chanh-văn-phòng toa Hành-chanh Tỉnh.

thực trạng đã kéo dài từ nhiều năm qua và ảnh hưởng tới thân-phận của một số lớn thế-hệ thanh-niên và tương-lai của đất nước. Nếu không kịp thời đặt lại vấn đề tận căn nguyên tìm biện-pháp thích đáng và mạnh-dạn sửa đổi, trách nhiệm của những nhà điều khiển bộ máy giáo-dục sẽ bị phê phán và kết tội.

Trong phạm vi nhỏ hẹp và khiêm-hường của tập nghiên-cứu này chúng tôi sẽ hết sức cố gắng xét một trong những vấn-đề khó-khăn riêng biệt của nền giáo-dục hiện tại đó là vấn đề thi-cử. Trước tiên, chúng tôi sẽ phân tích thực trạng lề lối thi cử hiện đang áp dụng để tìm những ưu-khuyết-điểm, nhiên hậu mới vạch ra vài biện-pháp sửa-cải tổng quát. Đó là phần I và phần II trình bày sau đây :



PHẦN MỞ ĐẦU

MÔ-TẢ THỰC-TRẠNG THỊ CỬ CỦA
NỀN GIAO-DỤC HIỆN TẠI

QUAN-NIỆM TỔNG-QUÁT VỀ VIỆC HỌC VÀ VIỆC THI

Học-giá, nãi-thế chi tran
Học-giá, nãi thân chi báo

Huy-Tông

ĐOẠN A : QUAN-NIỆM VỀ VIỆC HỌC :

Học là gì ? Phải chăng học là cắp sách đến trường để được thầy giáo dạy đọc, dạy viết chữ, tập làm các phép tính cộng-trừ, nhân chia, hay cao hơn nữa là chứng-minh, giải đáp những hồ-tướng các hình dạng chuyển động vật chất theo một ước-lê sẵn có để được điểm số cao, được lời khen tốt và cuối cùng để thi đỗ. Không. Việc học không dễ dàng như vậy. Nếu mọi công dân trong quốc-gia đều quan-niệm việc học một cách thiện cận như trên thì nhân loại ngày nay không khác gì đời sống sơ-thủy khi chưa có nền giáo-dục. Nói về việc học, người ta thường có 2 quan niệm :

I. Quan-niệm sai lầm

Quan niệm cổ hủ về việc học của phần đông số người cho rằng đi học là để được giáo-chức ở nhà trường nhờ nặn cho một mớ kiến-thức cần thiết để cuối năm được lên lớp và để thi đỗ. Vì vậy phần đông học-sinh, sinh-viên đi học với mục-dịch cố gắng thu nhập một cách tiêu-cực những bài giảng giáo-khoa được thầy dạy vào ký-ức rồi chờ đến kỳ thi viết ra trả lại cho thầy. Quan niệm học như trên hàm chứa một tinh thần học tập thông thường "học thuộc lòng" "học như con vẹt" chúi mũi vào sách vở để cố nhớ những con số vô nghĩa, những dữ-kiện dư thừa nhưng cần-thiết trong lúc làm bài thi. Thật là khôi hài khi hỏi một học-sinh "Tại sao công dân có bốn phần phải đóng thuế ?" Học-sinh đó sẽ trả lời không suông. Nhưng nếu hỏi "Hoàng-Đế Nã-Pha-luan sanh năm nào, chết năm nào?" hay "Vua Thiệu-Trị có mấy người vợ và bao-nhiêu con?", học-sinh đó sẽ trả lời một cách trôi chảy. Vì vậy, một học sinh được coi là học giỏi và chăm học theo quan niệm trên chỉ là một học-sinh xanh-xao, gay còm

về thể-chất, bạc-nhuộc về tinh-thần và ngu-dần về cuộc sống xã-hội. Thật ra, đó không phải là lỗi của học-sinh mà chính là trách-nhiệm của giáo chức, phụ-huynh và của chính-quyền. Giáo chức thường mong muốn cho học-sinh lớp mình phụ-trách đồ nhiều, đồ cao trong kỳ thi để giữ vững công an việc làm, được tăng lương, thăng trật mà không chú trọng đến nguyên-tắc sư-phạm của giáo dục. Phụ-huynh học-sinh nhiều khi vì bận sinh kế nên khoảng trống việc dạy dỗ con em cho nhà trường. Phía chính-quyền lại không có chính sách giáo dục nhằm đào tạo những công dân phụng sự cho đất nước hoàn thiện về cả ba mặt : trí, đức và thân.

2 Quan-niệm đúng :

Quan-niệm đúng về việc học là quan-niệm giáo-dục đào tạo con người về cả 3 phương diện : trí dục, đức-dục và thể-dục.

a. Trí-dục :

Trí-dục nhằm mục đích phát triển trí năng tức là trau dồi kiến thức để hiểu, nhớ, thực dụng và sáng tạo. Giai-đoạn đầu tiên của việc học là HIỂU những hiện thực khách quan : vũ-trụ, thiên-nhiên, vật-chất... và phân tích nội quan của cá nhân và người khác. Mọi sự vật khách quan và nội quan đều có bản tính riêng của nó, tuân theo những định luật riêng và thay đổi theo một hệ thống thiên nhiên duy-nhất. Học để lãnh hội những định luật và hành động ấy tức là đã đạt được đến mục đích của trí hiểu. Nhưng trí hiểu ấy còn cần được hỗ trợ của trí NHỎ và kinh nghiệm để HÀNH ĐỘNG bằng I thái độ cá nhân theo chiều hướng sinh tồn đó là trí khôn ngoan. Học còn mục đích cuối cùng là SÁNG TẠO tức là dựa trên những định luật sẵn có để tìm ra những phát minh mới. Sáng tạo là nguồn gốc của nền văn minh nhân loại và mới thật sự là cứu cánh của việc học nhằm phát triển trí năng.

b. Đức-dục :

Nhằm mục đích rèn luyện tính tốt của cá nhân đối với chính mình và xã hội tức là huấn luyện về tác phong và đạo-đức con người. Đức dục bổ khuyết cho trí dục vì đó là con đường hướng thiện cho mọi hành động của trí khôn. Trong phạm vi cá nhân, việc học trước hết là phải học lễ-nghi, nhân-ái, thành-tín, liêm-sĩ, bốn phạm và tình yêu dân tộc. Trên bình diện cộng đồng hay xã-hội là vấn đề lương tâm và luân lý. Thật vậy, nếu văn-minh khoa học tiến bộ mà con người không có lương tâm thì cứu cánh của nó

không ích gì cho đời sống nhân loại như một văn-sĩ Pháp đã nhận định :
 "Khoa học mà không có lương-tâm chỉ làm hủy hoại tâm-hồn" (1). Hơn thế
 nữa Vessiot đã nhấn mạnh vai trò chủ yếu của đức tính lương thiện :
 "Người ta có thể quan niệm một xã-hội gồm toàn những người lương thiện,
 mà thiếu học-thức chứ không thể nào quan-niệm một xã-hội gồm toàn những
 người học thức mà vô-luân" (2)

c. Thế dục :

Nếu trí dục và đức dục là cứu cánh việc huấn-luyện con người,
 và chiều hướng đạt tới cứu cánh phục-vụ đời sống xã-hội thì thế - dục
 được quan niệm như một phương tiện. Xã-hội Việt-Nam ngày nay, nhiều
 người còn xem thường vai-trò của thế dục mà quên rằng trí hiệu và tâm
 hồn trong sạch chỉ có thể nảy nở trong một thân thể tráng kiện.

Một quan niệm đúng đắn về việc học phải là quan-niệm phát triển
 song song 3 phương diện trên. Tiếc rằng, nhiều người trẻ đang theo đuổi
 con đường học-vấn vẫn duy-trì quan-niệm phiến diện về việc học. Họ
 không chú trọng phát triển toàn diện con người mà chỉ chú trọng đến
 việc thi đỗ như một cứu cánh cuối cùng.

ĐOẠN B : QUAN NIỆM VỀ THI-CỬ :

I. Trên bình diện người tổ chức có thể có 2 quan niệm về thi cử :

a. Thi-tuyển (concours)

Trong khả năng và phạm vi thẩm quyền, cơ quan tổ chức kỳ thi
 tuyển ấn định thể-lệ, điều-kiện dự thi và điều hành kỳ-thi để chọn lựa
 thành phần ưu-tú. Sau kỳ khảo hạch và xếp hạng, quyền ưu tiên được
 tuyển chọn sẽ dành cho những thí sinh theo thứ tự có điểm số tối đa cho
 đến khi đủ số dự tuyển. Quan niệm thi tuyển như trên cho thấy việc thi
 tuyển xảy ra vì nhu cầu tuyển dụng nhỏ hơn số cung thí sinh. Số cầu
 càng nhỏ hơn số cung bao nhiêu, kỳ thi trở nên gay go chừng ấy. Những
 tổ chức thi tuyển thường thấy như kỳ thi tuyển học sinh vào lớp đệ-thất
 công lập, kỳ thi tuyển vào năm thứ nhất các trường cao-dẳng chuyên
 nghiệp ...

(1) "Science sans conscience n'est que ruine de l'âme"

(2) "On conçoit encore une société composée de gens honnêtes sans ins-
 truction, mais on ne peut concevoir une société composée de gens
 instruits sans moralité".

b. Quan-niệm khảo sát (examen)

Một kỳ thi theo quan niệm khảo sát thường được tổ chức sau thời gian huấn luyện nhằm mục đích thẩm định giá trị trình độ thu-thập của học sinh. Những người có một tầm hiểu biết trung bình về những điều đã được giảng dạy coi như có kết quả. Quan niệm khảo hạch trên đây được các trường trung-học và đại-học Việt-Nam áp dụng trong các kỳ thi lên lớp, thi chứng chỉ, văn bằng và tốt-nghiệp. Quan niệm khảo hạch thực ra chỉ mới được áp dụng từ khi nước ta thuộc Pháp. Ngay trước, các kỳ thi chủ yếu như thi Hương, thi Hội, thi Đình đều áp dụng quan-niệm thi-tuyển. Trong một khoa thi, triều đình đã dự định tuyển chọn một số người được chăm đầu. Thí dụ trong một khoa thi Hương, tại Trường Gia-Dịnh lấy 160 người (gồm 40 cử-nhan, 120 tú-tài) tại Thừa-Thiên lấy 140 người (gồm 35 cử-nhan, 105 Tú-Tài)

2. Trên bình diện người dự thi :

Thi cử là cơ-hội chứng tỏ sự tiến bộ của mình sau thời gian học tập và là phương tiện để tiến xa hơn. Thi cử đối với thí-sinh như một nhân chứng cho sự trưởng thành của sự hiểu biết của họ. Tuy-nhiên thi-cử chỉ có giá trị tương đối. Thi-cử không là cứu cánh của việc học và cứu cánh cho việc định-đoạt tương lai của một người. Nhiều thí-sinh quan niệm sự đậu rớt của thi-cử là một hơn, kém không chối cãi thật là quan niệm hẹp hòi và cũng là một nhận xét phiến diện. Do đó, thí sinh thường mang tâm trạng kinh-hoàng khi đương đầu với một kỳ thi và có ảnh hưởng tâm lý mạnh mẽ đối với kết quả việc thi cử : Thi đỗ sẽ hăng hái, yêu đời hơn, thi hỏng : buồn chán, tuyệt vọng.

Dù sao trên bình diện thí sinh đối với bất cứ cuộc thi cử nào đều nhằm mục đích chứng tỏ khả năng tối đa của mình để đạt được kết quả. Về phía chính quyền, trong khi thực hiện các kỳ thi có đạt được mục đích mong muốn theo quan niệm về thi cử hay không, là một vấn đề phải thận trọng. Nói khác, khi tổ chức kỳ thi theo quan-niệm thi-tuyển, phải làm thế nào chọn lựa được những thành phần ưu-tú và khi tổ chức kỳ thi theo quan niệm khảo sát, thẩm định, đúng mức trình độ của thí sinh mà không có yếu-tố ngoại vi ảnh hưởng. Muốn đạt kết quả trên, các kỳ thi đều bị ràng buộc bởi một số nguyên tắc như nguyên tắc chọn đề thi, nguyên tắc mặt của đề thi, nguyên tắc về kỹ-luật phong-thi và nguyên tắc về thể thức chấm điểm. Tóm lại đó là các nguyên tắc tổng quát về thi cử trình bày trong chương II sau đây."

Chương Hai

CÁC NGUYÊN-TẮC TỔNG-QUÁT VỀ THI-CỬ

ĐOẠN A : NGUYÊN-TẮC CHON ĐỀ THI :

I. Thi-tuyển :

Khi một cuộc thi tuyển được tổ chức, cơ quan phụ-trách chọn lựa đề thi tùy theo trình độ văn-hóa và tính cách chuyên môn của cuộc thi. Đề thi có khi chỉ được chọn trong chương trình học của thí sinh hay gồm các loại đề thuộc về kiến-thức văn-hóa và kiến-thức chuyên-môn. Ngoài ra với mục đích tuyển lựa thành phần ưu tú nên đề thi của các cuộc thi - tuyển thường cao hơn trình độ của một thí sinh trung bình.

Thí dụ : Kỳ thi tuyển sinh-viên năm thứ nhất Ban Đốc-Sự (khóa XVII). Học-viên Quốc-Gia Hành-Chánh gồm 3 môn : Công-dân, Địa-Lý kinh-tế và Sinh-ngữ thuộc chương trình lớp Đệ-Nhất Trung-Học. Về môn Công Dân, đề tài : "Nguyên tắc Dân-chủ" về môn Địa-Lý kinh-tế, đề tài : "Sẵn lượng Quốc-Gia và lợi tức quốc-gia" (1) Không ai chối được rằng các đề thi trên đây có trình độ cao hơn của một học sinh trung-bình lớp Đệ-Nhất mà thật ra đó là trình độ của một sinh-viên cũ-nhân I ở Đại-Học Luật-Khoa, không đề cập đến những khía cạnh khác của các kỳ thi tuyển nguyên tắc chọn đề thi có trình độ cao nhằm mục đích tuyển lựa thành phần ưu-tú là nguyên tắc đúng đắn. Báo chí, hay dư-luận thường phản nãn đề thi khó trong những kỳ thi tuyển là những nhận định sai lầm. Dĩ nhiên các kỳ thi có những khuyết-điểm nội-tại của nó, những việc chọn đề thi khó cho những kỳ thi tuyển là việc làm hợp lý.

(1) Tài liệu Sở Hành-Chánh Học-Viện Quốc-Gia Hành - Chánh.

2. Thi lên lớp :

Trong phạm-vi một lớp học, giáo-chức chọn đề thi cho học-sinh hay sinh-viên trong số những điều đã giảng dạy thuộc bộ môn phụ trách vào cuối lục-cá-nguyệt, cuối năm hay vắng khóa. Khi chọn đề thi, giáo chức phải cố gắng làm sao để kiểm soát toàn thể sự học tập của học-sinh hay sinh-viên kể cả sự kiểm soát liên-tục trong thời gian giảng huấn. Đây là một phương-thức đánh giá trình độ của sinh-viên, học sinh một cách trung-thực nhất và phù-hợp với nguyên-tắc sư-phạm. Vai trò may rủi không chi phối quá đáng kết quả của thí-sinh. Tuy nhiên, kỳ thi và việc chọn đề cũng phải tuân theo những thể lệ chung như lớp học không quá đông, giáo chức phải công bằng và đề thi phải hợp-lý

3. Thi văn-băng :

Các kỳ thi văn-băng được tổ chức đồng loạt trên toàn quốc hiện nay như kỳ thi văn băng Tiểu-Học tráng niên, Trung-Học Đệ I cấp tráng niên, Tú-Tài phần I, Tú-Tài phần II. Hàng năm, trước kỳ thi Bộ Giáo Dục sẽ yêu cầu các giáo-sư phụ trách các lớp thi thuộc trường công-lập đề nghị đề thi. Đề tài được cho vào phong bì dán kín gửi qua vị Hiệu-Trưởng và tập trung tại Ban Thanh-Tra, Nha Khảo-Thí. Về ngành Trung Học Kỹ-Thuật và Chuyên-Nghiệp, mỗi trường Kỹ-Thuật trên toàn quốc được yêu cầu đề nghị 2 đề thi và gửi về Ban Thanh-Tra Nha Kỹ-Thuật Chuyên-Nghiệp tập-trung và chọn lựa (2).

Ở cấp Đại-Học vị giáo-sư được toàn quyền chọn đề thi cho sinh viên thuộc bộ môn phụ trách và có thể không bị bắt buộc hỏi ý kiến khoa-trưởng và Hội-Đồng Khoa (3).

Nội dung tất cả các đề thi sẽ nằm trong chương trình đã giảng dạy của năm thi. Trong một môn học, đề thi có thể được ra dưới hình thức một bài trắc-nghiệm, một vài câu hỏi nhỏ và một bài làm, hay loại đề đòi hỏi về trí nhớ, trí thông-minh, so sánh hay phân-tích của thí sinh. Phần nhiều các đề thi hiện nay được ra dưới hình thức nhiều câu hỏi và một bài làm có tính cách suy luận.

(2) Giải-thích của Ông Nguyễn-thanh-Liên, nguyên Chánh Thanh-Tra, Trung, Tiểu-Học BGD, Ông Văn-văn-Đầy Thanh-Tra Khảo-Thí Nha Kỹ-Thuật và Chuyên-Nghiệp.

(3) Giải-thích của Ô. Lâm-thanh-Liên Tổng Thư-Ký Viện Đại-Học Saigon.

Sau đây là một vài loại đề thi tiêu biểu so với chương trình năm học tương đương :

Chương trình triết-học lớp Đệ-Nhất C, Trung-Học Phổ-Thông :

Tâm-Lý-Học : Đối tượng tâm-lý, Hiện-tượng tâm-Lý, tương quan hiện tượng tâm lý và sinh lý. Quan điểm nội quan và ngoại quan. Tri giác, CẢM-GIÁC và hình ảnh liên-tưởng ký-ức. Trí tưởng tượng. CHÚ Ý : Công dụng : của ký-hiệu Ngôn-Ngữ và tư-tưởng khuynh hướng và cử động. Khoái-lạc và đau khổ tinh thần, vật chất. Cảm xúc, Đam mê, Bản năng. TẬP QUÁN, Ý-CHÍ , Tỉnh tỉnh, Ý-thức, Vô ý-thức, Nhân cách.

Luan-ly Hoc : Những nguyên tắc của Lý-Trí. Phương pháp thông thường của tư-tưởng. Trực giác và suy luận, diễn dịch và quy nạp, phân tách và tổng hợp. Khoa-học và tinh thần khoa học, khoa học và kỹ-thuật. Toán học, khoa học thực nghiệm và kiểm-chứng định luật.

Đạo-Đức Học : Vấn đề đạo-đức, lương-tâm, bản chất và giá trị. Bốn phận và QUYỀN-LỢI. Trách-nhiệm, công-ly và bác-ái.

Triết-học tổng-quát : Triết học và khoa học. Triết học và tôn-giáo. Tinh thần.

Chương trình học trên đây được hỏi những gì trong kỳ thi ? Nhìn vào đề thi Triết-Học kỳ Tú-Tài 2 ban CD khóa 2 ngày 3.9.1969 ta thấy những điểm :

Tâm-ly-Học : CẢM-GIÁC, TRI-GIÁC, CHÚ-Y, phân loại KHOA-HOC, QUYỀN tự nhiên khác quyền nhân định điểm nào ? LÝ-TRÍ, Ý-CHÍ và TẬP-QUÁN.

Ngay ấy chương trình học, khi đi thi, thí sinh chỉ được hỏi bao nhiêu đó, trong thời gian 4 giờ cho môn Triết. Còn những thứ khác, học xong hay không học, thí sinh bỏ đi đâu ? Đó là lẽ lối ra đề thi đang áp dụng hiện nay.

ĐOẠN B: NGUYÊN TẮC MẬT CỦA ĐỀ THI :

Nguyên tắc mật của đề thi có tính cách vô cùng cần-thiết để giữ sự vô tư và công bằng của cuộc thi đối với tất cả thí-sinh. Ở bất cứ kỳ thi nào thuộc Tiểu-Học, Trung-Học hay Đại-Học dù tổ chức đại qui

mô hay kỳ thi lên lớp, đề thi đều được giữ kín cho tới lúc thí sinh khởi sự thi môn đó. Nguyên tắc mật của đề thi được áp dụng từ lúc giáo-sư soạn thảo và đề nghị đề thi. Giáo sư được yêu cầu không tiết lộ cho học sinh lớp mình phụ trách đã đề nghị đề thi về Bộ như thế nào. Khi vị Thanh-Tra khảo-thí phụ-trách chọn lựa, các đề thi được in bằng máy in riêng, vào phong bì đóng khấn và giữ kín. Các phong bì đã đóng khấn được cho vào rương khóa kỹ và niêm phong. Người phụ trách di-chuyển rương đề thi mang đến Trung-Tâm các Hội-Đông thi trong vòng 48 giờ nếu ở địa-phương và 2 giờ nếu ở Đô-Thành trước khi cuộc thi bắt đầu (4)

Đến giờ thi, phong bì đựng đề tài được phân-phát cho các phòng thi, vị giám thị phụ trách sẽ xé phong bì còn nguyên-vẹn dấu khấn và phân phát cho thí sinh làm bài.

Việc bảo mật đề thi đặt cho Quý Vị Thanh-Tra trách nhiệm nặng nề và đòi hỏi tinh thần chức nghiệp cao cả. Vì lý do không để cho đề thi bị lộ, có vị thanh-tra đã tự ý giam mình trong phòng kín cùng với những nhân viên công-sự hàng tuần lễ hay hơn, trước kỳ thi để chọn lựa và án loát (5). liệt kỳ thi càng có tính cách đại qui mô việc soạn thảo và bảo mật đề thi càng trở nên khó khăn. Hiện nay, đối với việc án loát và bảo mật các đề thi cho các kỳ thi Trung-Học tổ chức đồng loạt trên toàn quốc, Bộ Giáo-Dục chưa tìm được phương pháp giải tỏa sự khó khăn trên trong khi số thí sinh hàng năm càng ngày càng gia tăng.

ĐOẠN C : NGUYÊN TẮC VỀ KỸ-LUẬT PHÒNG THI :

Nghị-Định 474/GD/^{TT} Kth/^{HK} 2 ngày 15.3.1966 và Biên-bản Hội Đổng kỹ-luật ngày 28.9.1967 xác định những nguyên tắc tổng quát thí sinh phải tuân theo hay phải tránh vi phạm khi dự thi. Những nguyên tắc sau đây được coi như tiêu biểu cho kỹ-luật trường thi ở mọi cấp, nếu có sự gia-giảm cũng chỉ là thay đổi các chi-tiết mà thôi.

I. Lúc thí sinh vào phòng thi : phải nộp cho giám thị tất cả các đồ vật như sách, vở, cặp, tài-liệu, áo mưa, vũ-khí... và chỉ mang theo :

(4) Văn-thư 461 Bộ Giáo-Dục Thanh-Niên ngày 1.7.1969 của Ông Tổng-Trưởng Giáo-Dục và Thanh-Niên

(5) Trường hợp của Ông Thanh-Tra Kỹ-Thuật 1966,

- phiếu báo danh
- thẻ học-sinh, sinh-viên hay thẻ căn-cước
- các học cụ tối cần thiết như bút, mực, thước, tẩy ... và được mang theo tự điển La-tinh phiên dịch ra Anh-Pháp-Việt hay ngược lại nếu thi môn Cổ-Ngữ, tự điển chữ Hán nếu thi môn Hán-Văn, bảng lượng giác nếu thi môn Toán-Lý-Hóa.

2. Khi làm bài thi, thí sinh không được dùng màu mực xanh lá cây hay nhiều màu mực khác nhau trong một bài thi, đóng khung các đáp số, tô màu các hình vẽ, viết ra ngoài lề tờ giấy thi, viết hay vẽ những dấu hiệu đặc biệt trong bài thi.

3. Những hành vi và cử chỉ sau đây được coi như gian lận, có ý gian lận hoặc đồng lõa gian lận :

- dùng tài liệu, sách vở, dùng giấy có ghi chú bài học, công thức hay hình vẽ hay không dùng nhưng để trong người, ngăn bàn, gần chỗ ngồi.

- thông đồng với thí sinh khác bằng cách nói chuyện, chuyển giấy tờ, nhìn bài thí sinh khác hoặc để lộ bài cho thí sinh khác nhìn.

Những hành vi gian-lận sẽ bị chế tài như sau :

- khi thí sinh bị bắt gặp gian lận, giám-thị sẽ lập biên bản yêu cầu thí sinh đương sự ký vào, nếu thí sinh từ chối ký tên biên bản vẫn không thay đổi giá trị. Sau khi lập biên bản, giám-thị mời đương sự ra khỏi phòng thi.

- nếu thí sinh nói chuyện hay nhìn bài thí-sinh khác : bị đánh hỏng khóa thi ấy.

- giữ tài liệu nhưng chưa sử dụng, đổi chỗ ngồi : đánh hỏng khóa thi ấy, cấm thi khóa kế tiếp.

- sử dụng tài liệu, trao đổi bài thi: đánh hỏng khóa ấy, cấm thi hai năm sau.

- trường hợp thi dùm : người thi và người nhờ thi bị đánh hỏng khóa thi ấy và cấm thi 3 năm và có thể bị truy tố trước pháp luật.

4. Ngoài ra, thí sinh có thể bị khép vào tội danh vô-kỷ-luật khi có những hành vi sau :

- làm ồn ào trong phòng thi : cảnh cáo
- hút thuốc lá, khạc, nhổ trong phòng thi : cảnh cáo
- tỏ thái độ vô lễ với nhân viên khác thi : bị đánh hỏng khóa thi đó và bị cấm thi từ 2 đến 3 năm.
- hành hung hoặc nhờ người hành hung nhân-viên khảo-thí : bị đánh hỏng khóa đó và bị cấm thi 5 năm.
- viết và sửa bay bạ, làm thơ chữ đồng trong bài thi bị đánh hỏng khóa đó và cấm thi từ 1 đến 3 năm.

Ngoài ra, thí sinh vô kỷ luật có thể bị truy tố trước pháp luật dù là dân chính hay quan nhân. Trong tất cả các trường hợp nêu trên Hội-Đông khảo-thí có thể nhờ nhân-viên công-lực can-thiệp.

5. Đối với người ngoài : cấm đi dạo quanh phòng thi, ném bài hoặc đọc bài cho thí sinh. Hội-Đông khảo-thí, đối với trường-hợp này, có thể nhờ nhân-viên công lực mời đi hoặc giữ những người đó lại để điều tra.

Ngoài ra, tại những nơi nào có xảy ra những vụ lộn-xộn, vô trật-tự, thiếu kỷ-luật của thí sinh, Bộ Giáo-Dục có thể xét để bỏ hẳn khóa thi ấy, không chấm, cho thi lại hoặc bỏ luôn việc tổ chức thi cử trong vài tháng hay vài năm.

ĐOẠN D : NGUYÊN TẮC CHẤM THI :

I. Tính cách vô danh của bài thi :

THƯ VIỆN KHOA HỌC TỔNG HỢP
LVHC 1168

Hầu hết các kỳ thi, cơ quan tổ chức sẽ phát cho thí sinh một loại giấy làm bài đồng nhất. Phía trên mỗi tờ giấy thi là tiêu đề và nơi thí sinh ghi lý lịch như tên họ, ngày sinh, số báo danh... Phần này được ngăn cách với phần giấy dành cho thí sinh làm bài bằng một đường gạch dài. Để giữ tính cách công-bình và vô tư trong việc phiên công việc vô danh hóa bài thi sẽ thực hiện như sau : khi thí sinh hợp bài xong và được tập trung, vị chánh chủ-khảo sẽ cho một âm-số trên phần thí sinh làm bài. Sau đó tờ giấy thi sẽ được cắt rời phần trên và phần dưới qua đường gạch dài. Công việc này gọi là "rọc phách". Sau khi rọc phách bài thi đã được vô danh hóa nghĩa là giám khảo sẽ không tìm biết được tên họ của thí sinh làm bài thi mình đang chấm là ai,

mục đích để tránh sự tây vị cho bà con, em, cháu, vị giám-khảo nếu có. Sau khi giám khảo chấm xong các bài thi, vị chánh-chủ-khảo sẽ chọn lựa các ám số trên bài thi đen ráp lại với các ám số đánh trên tiêu-đề đúng như lúc trước khi cắt ra. công việc này gọi là "hồi phách" hay "ráp phách". Sau đó việc cộng điểm các bài làm của thí sinh sẽ bắt đầu.

2. Công việc của giám-khảo : chấm thi

Chấm thi tức là dùng một tiêu chuẩn nhất định để đánh giá bài thi của thí sinh bằng một đơn vị đo lường gọi là điểm (point). Trước khi chấm bài, Hội-Đồng giám-khảo đã có 1 bài làm mẫu cho mỗi môn do trung ương gửi đến hay họp lại chọn bài mẫu đó và lập một thang điểm. Khi bài thi của thí sinh đạt tới một trình độ nào, giải đáp được điều gì sẽ được một số điểm tương ứng. Giám-khảo phê điểm từ 00 đến 20. Ở tiểu-học từ 00 đến 10 trung bình 5. / Trung-học và đại-học điểm và hạng xếp như sau :

từ 00 đến dưới 10 điểm	:	hống (6)
10 " " 12 "	:	hạng thứ
12 " " 14 "	:	bình thứ
14 " " 16 "	:	bình
16 trở lên	:	hạng ưu

Đối với các kỳ thi văn bằng trung-học, vài loại thí-sinh được gia tăng số điểm ngoài số điểm kết quả các bài thi để đủ điểm số được chấm đậu như thí sinh quân nhân và thí sinh gốc thiếu số thượng,cham.

3. Hệ số các môn thi : môn chính, môn phụ.

Ở cấp trung, tiểu-học, các môn thi được chia ra làm môn chính môn phụ và môn nhiệm ý. Được coi như môn chính, các môn chiếm một số giờ học nhiều trong năm và hệ số cao khi đi thi, môn phụ ngược lại. Môn nhiệm-ý tức là môn thi tùy ý thí sinh muốn thi hay không. Nếu thi môn nhiệm ý số điểm thặng dư trên trung bình sẽ được cộng vào tổng số điểm để được chấm đậu, nếu kết quả dưới trung bình cũng không có hại.

(6) Riêng kỳ thi Tú-Tài I, Tú-Tài II Phổ thông điểm trung bình 09/20 được chấm đậu.

Ở Đại-Học môn thi và hệ số thay đổi tùy theo ngành học của từng phân khoa nhưng các hệ số các môn trong một kỳ thi của sinh-viên không chênh lệch nhiều. Sau đây là bảng kê hệ-số các môn thi Tiểu-Học, Trung-Học và vài chứng chỉ Đại-học.

Môn thi, thời hạn và hệ số kỳ thi văn bằng Tiểu-Học tráng niên và Trung-Học đệ I cấp tráng niên :

Tiểu-Học			Trung-Học		
Môn thi	Thời hạn	Hệ-số	môn thi	thời hạn	hệ-số
chánh tả câu hỏi	1 giờ	2	Quốc văn	2 ^g 45 ^p	3
Luận, viết tập	1 "	2	Sinh ngữ	2 -	3
Câu hỏi thường thức	0,50 ^P	2	Toán	2 -	3
Vẽ, thủ-công, may	0,50 ^P	1	Lý hóa	1 -	1
Toán đố	1 giờ	3	Văn-vật	1 -	1
Tập đọc	-	1	Sử-địa và		1
Hát, đọc thuộc lòng	-	1	Công dân	1 -	2

Môn thi, thời hạn, hệ-số kỳ thi Tú-Tài phần I ban A, B, C, D.

Môn thi	Số giờ				Số giờ Hệ số			
	A	B	C	D	A	B	C	D
Văn-vật	2	1	1	1	3	1	1	1
Lý Hóa	3	3	1	1	3	3	1	1
Toán	2	3	1	1	2	4	1	1
Sử-địa, công-dân	1,30	1,30	1,30	1,30	2	2	3	3
Sinh-ngữ I	2	2	3	3	2	2	3	3
Cô ngữ	-	-	-	2	-	-	-	2
Việt-văn	3	3	3	3	2	2	4	4

Môn thi thời hạn, hệ số kỳ thi Tú-Tài II A,B,C,D.

Môn thi	Số giờ				Số giờ Hệ số			
	A	B	C	D	A	B	C	D
Văn vật	3	1	1	1	4	1	1	1
Lý Hóa	3	3	1	1	4	4	1	1
Toán	2	3	1	1	2	5	1	1
Sử-Địa hay Công Dân	1	1	1	1	1	1	2	2
Sinh-ngữ I	2	2	3	3	2	2	3	3
Sinh-ngữ 2	1	1	2	-	1	1	2	0
Cổ-ngữ	-	-	-	2	-	-	-	2
Triết	3	3	4	4	2	2	4	4

Môn thi, thời gian, hệ số vài chứng chỉ đại-học :

Cử-Nhân I luật-khoa			Chứng chỉ Dự-bị Văn-khoa Việt-Hán		
Môn thi	Th.gian	Hệ-số		Th.gian	Hệ-số
Dân luật	3	1	Thi viết	-	-
Pháp-chế sử	3	1	Việt	4	2
Công-pháp quốc-tế	vấn đáp	1	Hán	3	1
Kinh-tế học	- -	1	Sinh-ngữ	3	1
Luật Hiến-pháp	- -	1	Triết	3	1
Danh-từ Pháp-lý	- -	1			
Danh từ kinh-tế	- -	1			

Thi lên năm thứ 2 Đại-Học Khoa-học			Thi lên năm thứ 2 Cao-Đẳng kiến-trúc	
Môn thi	Thời gian	Hệ số	Môn thi	Hệ-số
Toán	3 ⁰⁰	2	Kiến trúc sáng tác	20
Vật lý	3	2	Hội-họa	10
Hóa-học	2,30	2	Toán học	08
Thực tập	-	-	Hình học họa hình	08
Vật lý	2,30	1	Vấn đáp kiến trúc	12
Hóa-học	2,30	1		

■ ■ ■
■

Chương Ba

HỆ-THỐNG TỔ-CHỨC THI-CỬ HIỆN-HÀNH

"Thi không ngâm ớt thể mà cay"
TTX.

ĐOẠN A : VIỆC THI-CỬ Ở TIỂU-HOC VÀ TRUNG-HOC :

1. Cơ-cuan tổ-chức :

Nha khảo-thí thuộc Tổng Nha Trung-Tiểu-Học và Bình-Dân Giáo-Dục phụ trách tổ chức và điều hành các kỳ thi Tiểu-Học và Trung-Học trên toàn quốc. Phòng khảo-thí thuộc Nha Kỹ-Thuật và Chuyên-Nghiệp Các ^{Như các kỳ thi Kỹ-Thuật} Cơ quan trên có nhiệm vụ thiết lập, soạn thảo, đề nghị các thủ-tục hành chánh liên quan đến vấn đề thi cử; đề cử, phân nhiệm, điều hành, kiểm soát các Hội-Đông giám-khảo và giám-thi; đặt thể lệ, thu nhận hồ sơ thí vụ, tổ chức các trung-tâm di chuyển đề thi, thực hiện cuộc thi, kiểm soát danh sách thí sinh trúng tuyển, công bố kết quả, cấp phát chứng chỉ, văn bằng.

Nghị-Định số 505/GDTN /Kth/2 ngày 21.3.1969 của Tổng-Trưởng Văn Hóa Giáo-Dục và Quyết-Định số 06/GDTT/Kth/2 ngày 14.3.1969 tổ chức các kỳ thi Tiểu-Học tráng-niên và Trung-Học Phổ-thông trên toàn quốc theo lịch trình như sau :

Kỳ thi	Ngày thi	Số Hội-Đông thi
Tiểu-học tráng niên	15.4.1969	50 Hội đồng
Nhập học đệ-thất	01.7.1969	-
Trung-Học I cấp tráng niên	16.9.1969	22 "
Tú-tài I	12.1.1969	30 "
Tú-Tài II khóa I	22.7.1969	16 "
Tú-tài II khóa II	03.9.1969	16 "

Nghị-Định 630/GDTN/KTHV/ND ngày 4.4.1969 mở các kỳ-thi Trung Học Kỹ-Thuật và Chuyên-nghiệp trên toàn quốc theo lịch trình như sau:

Kỳ thi	Ngày thi	Số Hội-Đông thi
Nhập học đệ-ngũ	26.8.1969	-
Trung-Học Kỹ-Thuật I cấp	01.7.1969	11 Hội-đồng
Tú-tài I và Tú-tài II (khóa I)	17.7.1969	6 "
Tú-tài II kỹ-thuật (khóa II)	12.8.1969	6 "

2. Nhân viên thừa hành :

Tại mỗi Hội-Đông thi, nhân viên phụ trách điều hành Hội-Đông, gồm có 2 loại : Hội-Đông giám khảo và Hội-đồng giám-thi. Đứng đầu Hội-đồng giám khảo là vị Chánh Chủ-Khảo có Phó chủ-khảo và thư - ký phụ-tá và các giám khảo có nhiệm vụ điều hành, kiểm soát việc chấm các bài thi, trữ liệu và công bố kết quả, lập chứng chỉ trúng tuyển và gửi về Nha Khảo-thí hay Thông Khảo-thí Kỹ-thuật để kiểm nhận. Kết thúc và nộp hồ sơ thí vụ về trung-ương.

Bên cạnh Hội-đồng giám-khảo có Hội-đồng giám-thi đứng đầu là Chủ-tịch Hội-đồng có Phó Chủ-tịch, thư-ký phụ tá và giám-thi.

Hội-Đông giám-thi có nhiệm vụ tổ chức trường thi, xếp đặt phòng-óc, bàn ghế, phổ biến chỉ thị về thi cử cho thí sinh, giữ gìn trật tự kỷ-luật trường thi, kiểm soát giấy tờ, kiểm diện thí-sinh, phát đề thi, giấy thi, thu bài, xếp và đánh số bài thi, lập biên bản kỳ thi cùng giấy tờ về phụ cấp gác thi, chấm thi (1)

Tùy theo số thí sinh dự thi ở mỗi Hội-Đông, số giám-khảo và giám-thi sẽ được cắt-cử nhiều hay ít, thông thường, vì sắp xếp thế nào mỗi giám khảo có thể chấm từ 200 đến 500 bài thi của thí sinh, những trường hợp đòi hỏi số bài chấm có thể được tăng lên 600-700 hay đến 1000 bài. Về số giám-thi cứ mỗi phòng thi có từ 2 đến 4 giám-thi từ 3 đến 5 phòng lại có 1 giám-thi hành lang (2)

- (1) Chỉ-thị 1782/GDTN/Kth/2 ngày 26.5.69 Tổng-Giám-Độc Trung-Tiểu-Học và chỉ thị 2229/GDTN/KT/2 ngày 22.6.69 Giám-Độc Nha Khảo-thí.
 (2) Nghị-Định 630/GDTN/KTHV/ND 4.4.1969 Tổng-Trưởng Giáo-Dục.

Như vậy, nếu mỗi giám-khảo chấm 300 bài thi, kỳ thi Tú-Tài I 1969 gồm 62.000 thí-sinh sẽ cần tới số giám khảo như sau :

$$\frac{62.000 \times 8 \text{ môn thi}}{300} = 496.000 \text{ bài thi} \quad \# 1.652 \text{ giám-khảo.}$$

Nếu mỗi phòng thi chứa 40 thí-sinh và 2 giám-thị phụ trách I phòng, cứ 3 phòng có 1 giám-thị hành lang, số giám thị điều động sẽ lên tới :

$$\frac{62.000 \times 2}{40} + \frac{62.000}{40 \times 3} \quad \# 3.600 \text{ giám-thị.}$$

Ngoài ra, các kỳ thi còn cần tới nhân-viên công-lực như cảnh sát, quân đội để giữ gìn trật tự an-ninh xung quanh trường thi mà các địa phương được Ông Tổng-Trưởng giáo-dục yêu cầu theo văn-thư 461/GD TN/Kth/2 ngày 1.7.1969.

3. Kết quả các kỳ thi :

Các bảng kê sau đây trình bày kết quả tổng quát các kỳ - ^{Tuổi Kỳ thi} Tiểu-Học tráng niên, tỉ lệ thí sinh ở trên tổng số thí-sinh hàng năm rất thấp. _{thi, v}

Kết quả kỳ thi tiểu-học tráng niên 1969 vài trung-tâm tiêu - biểu :

Tên tỉnh	Tổng số thí-s	Số trng tuyển	%
Saigon	1345	1149	85,49
Biên Hòa	503	456	90,65
Bình-Dương	238	200	84,03
Định-Trường	258	252	97,67
Gia-Định	529	326	61,62
Phong-Đinh	326	306	93,86
Tây-Ninh	261	236	82,22
Thừa-Thiên	631	544	86,05
Gao-nguyên Trung-Phan	856	756	88,31
Trung-Nguyên Trung-Phan	4583	4200	90,60
Nam-Phan	8027	6765	84,27
Tổng cộng toàn-quốc	13466	11721	87,04

biểu)

Kết quả kỳ thi đệ-thất công-lập 1968 các trường tiêu-biểu và toàn quốc :

Trung-Học Gia-Long	7144	837	11,71
Trung-Học Pétrus-Ký	3653	534	14,61
Trung-Học Trưng-Vương	3676	451	13,35
Trung-Học Chu-văn-An	2369	334	14,09
Trung-Học Võ-trường-Toàn	2104	310	14,73
Trung-Học Hồ-ngọc-Cẩn (GD)	3100	354	11,41
Ngô Quyền (BH)	2666	338	12,60
Nguyễn-đình-Chiếu (HT)	2278	552	24,23
Phan-thanh-Giản (CT)	2345	454	15,96
An-Xuyên (Cà-Mau)	1318	278	21,09
Toàn quốc	168.879	40.894	24,21

Kết quả trung-học Đệ I cấp tráng-niên :

Năm	Tổng số thí sinh	trúng-tuyển	%
1966	19.626	7.469	38,47
1967	19.361	4.787	34,78
1968	10.319	3.539	34,32

Tình hình kết quả kỳ thi Tú-Tài I (từ 1964 đến 1969)

	1964	1965	1966	1967	1968	1969
TSTS	40.067	40.705	40.928	36.406	65.934	62.616
STT	8.939	14.289	14.622	11.088	27.280	13.980
%	22,31	35,18	35,72	32,14	41,37	22,32

Tình-hình kết quả kỳ thi Tú-Tài II (1964-1968)

	1964	1965	1966	1967	1968
TSTS	16.959	16.360	16.649	20.758	29.913
STT	5.574	4.863	7.113	6.673	11.600
%	32,85	29,78	42,72	32,14	38,98

Tình hình kết quả kỳ thi tuyển học sinh vào lớp Đệ-Thất các Trường Trung-Học Kỹ-Thuật trên toàn quốc

	1964	1965	1966	1967	1968
TSTS	4.501	6.730	4.862	8.169	8.027
STT	800	990	1.080	1.340	1.572
%	17,75	14,71	22,18	16,37	19,50

Tình hình kết quả kỳ thi Trung-Học Đệ I cấp Kỹ-thuật :

	1964	1965	1966	1967	1968
TSTS	741	818	909	1.921	1.249
STT	534	570	326	1.529	1.103
%	72,06	69,68	35,86	79,64	88,58

Tình hình kết quả kỳ thi Tú-Tài I Kỹ-thuật :

	1964	1965	1966	1967	1968
TSTS	403	454	246	361	710
STT	139	88	114	157	354
%	34,79	19,04	46,74	43,49	49,85

Tình hình kết quả kỳ thi Tú-Tài II Kỹ-Thuật :

	1964	1965	1966	1967	1968
TSTS	288	320	141	205	292
Số trúng tuyển	100	45	43	68	102
%	34,75	14,06	30,48	30,77	35,27

ĐOẠN B : VIỆC THI-CỬ Ở ĐẠI-HOC :

Hiện nay Việt-Nam có 5 Viện Đại-Học : Saigon, Huế, Đà-Lạt, Cần-Thơ và Vạn-Hạnh tổng số sinh viên lên tới 32.611 (3). Ngoài ra còn có các trường Cao-Đẳng chuyên-nghiệp và Học-viện tổ chức và điều hành biệt lập với các Viện Đại-Học theo một khuynh hướng và chương trình riêng. Dù vậy, so với cấp Trung-Học, việc thi cử ở cấp Đại-Học kém hẳn tính cách đại qui mô, đồng thời, lễ-lối thi cử của mỗi trường đại-học cũng khác biệt. Nhìn một cách tổng quát, việc thi cử ở cấp Đại-Học có thể chia làm 3 thể thức hiện đang áp dụng. Đó là thể thức thi theo chứng chỉ thi theo hệ thống nam và thể thức thi theo tín chỉ (credit).

I. Thể thức thi theo chứng chỉ (certificat)

a. Nguyên tắc tổng quát :

Phan đồng các phân khoa của các Viện Đại-Học Việt-Nam áp dụng thể thức thi theo chứng chỉ như các Đại-Học Văn-Khoa, Luật-khoa, khoa học. Mỗi chứng chỉ được tổ chức thi mỗi năm 2 kỳ. Kỳ thứ nhất ngay sau khi nghỉ hè và kỳ thứ hai trước khi nhập học niên-khoá sau. Để được cấp phát văn-bằng Cử-Nhan sinh viên phải để một số chứng chỉ gồm chứng chỉ Dự-Bị và các chứng chỉ chuyên-khoa (certificats de licence). Mỗi chứng chỉ chia ra làm nhiều môn học. Sinh viên sẽ thi tất cả các môn học trong niên-khoá gồm thi viết và thi vấn-đáp tùy theo phân khoa ấn định.

Về kỳ thi văn-bằng Cao-Học và Tiến-sĩ, sinh-viên sau khi đỗ cử nhân, phải học thêm một số năm hay phải đề xuất một luận-án do phân-khoa qui định thể lệ thường khác nhau. Để có một cái nhìn tổng quát về thể thức thi theo chứng chỉ ở cấp Đại-học, chúng tôi xin đơn cử phân khoa

tiêu biểu cho thể thức này. Đó là Đại-Học Văn-Khoa.

b. Phân khoa tiêu-biểu : Đại-Học Văn-Khoa :

Muốn ghi danh vào Năm Dự-Bị Đại-Học Văn-Khoa, sinh-viên phải có bằng Tú-Tài II, sau khi đỗ chứng chỉ Dự-bị mới được theo học các chứng chỉ cử-nhân. Tổng số sinh viên Đại-Học Văn-Khoa năm 1969 đến 9.182 người đang theo học 6 chứng chỉ Dự-Bị (3718 sinh viên) 27 chứng chỉ cử-nhân (5.358 sinh-viên) và 106 sinh-viên Cao-Học.

1) Các chứng chỉ Dự-bị gồm có :

- | | | |
|----|-------------------------|----------|
| 1) | Chứng chỉ Dự-Bị Nhiệm-Y | Việt-Hán |
| 2) | -'- | Hán-Việt |
| 3) | -'- | Triết |
| 4) | -'- | Sử-Địa |
| 5) | -'- | Anh-Văn |
| 6) | -'- | Pháp. |

Các chứng chỉ cử-nhân gồm có :

- | | |
|-----|-----------------------------------|
| 1) | Chứng chỉ Văn-chương Quốc-âm |
| 2) | -'- Ngữ-Học Việt-Nam |
| 3) | -'- Văn-Minh Việt-Nam |
| 4) | -'- Văn-chương Việt-Hán |
| 5) | -'- Văn-chương Trung-Hoa |
| 6) | -'- Hoa-văn thực hành |
| 7) | -'- Anh-văn thực hành |
| 8) | -'- Ngữ-Học Anh |
| 9) | -'- Văn chương và Văn-minh Anh |
| 10) | -'- Văn-chương và Văn-minh Mỹ |
| 11) | -'- Pháp-văn thực hành |
| 12) | -'- Văn-phạm và Ngữ-Học Pháp |
| 13) | -'- Văn-Hóa Pháp |
| 14) | -'- Văn-chương Pháp |
| 15) | -'- Lịch-sử triết-học Đông-Phương |
| 16) | -'- Triết-học Trung-Hoa |

- 17) Chứng-chỉ Triết-Học Ấn-Độ
 18) -'-' Lịch-Sử triết-học Tây-Phương
 19) -'-' Luận-Lý và Siêu-Hình
 20) -'-' Đạo-đức Học
 21) -'-' Xã-Hội học
 22) -'-' Tâm-lý học
 23) -'-' Nhân-chúng học
 24) -'-' Việt-Sử (Quốc-sử)
 25) -'-' Thế-giới Sử
 26) -'-' Địa-lý Đại-cương
 27) -'-' Địa-lý địa-phương

2-) Văn-băng Cử-nhân văn-khoa (tự do)

Được cấp văn-băng cử nhân văn-khoa (tự do) sinh viên phải đồ
 I chứng chỉ Dự-Bị, I chứng chỉ bắt buộc và 3 chứng chỉ tự do chọn lựa
 Các chứng chỉ bắt buộc ~~có thể là một trong~~ những chứng chỉ văn chương
 Quốc-âm, văn-chương Việt-Hán, Ngũ-Học Việt-Nam, Lịch-sử, Triết Đông
 Việt-sử, Văn-minh Việt-Nam, Địa-Lý địa-phương.

3-) Văn-băng cử-nhân giáo-khoa :

Sinh-viên được cấp văn-băng cử nhân giáo-khoa, phải đồ các
 chứng chỉ ghi theo số thứ tự bảng dưới đây :

Cử-nhân giáo-khoa Việt-Văn	1	2	3	(a)
Cử-nhân giáo-khoa Việt-Hán	1	4	5	6
Cử-nhân giáo-khoa Anh-Văn	9	10	8	(b)
Cử-nhân giáo-khoa Pháp-Văn	11	12	14	(b)
Cử-nhân giáo-khoa Triết Đông	18	15	16	17
Cử-nhân giáo-khoa Triết Tây-Phương	15	18	19	20
Cử-nhân giáo-khoa Sử-Địa	24	25	26	27
Cử-nhân giáo-khoa Nhân-văn	23	21	3	2

(a) Có thể là chứng chỉ Anh hay Pháp về văn-chương, Ngũ-Học hay thực
 hành

(b) Chứng chỉ đó có thể là các chứng chỉ số 1, 2, 4, 24, 15, 3, hay 2)

4) Gao-Hoc van-khoa :

Sau khi đở cử-nhan, sinh viên có thể ghi tên vào ban Cao-Học và nạp đề tài Tiểu-luận (memoire) và soạn 2 câu hỏi đã được Ban Giám-Khảo chấp thuận. Tiểu-luận phải tối thiểu 100 trang đánh máy cách hai dòng. Tiểu luận chỉ được trình sớm nhất là 12 tháng sau khi nạp đề tài. Kỳ thi trình Tiểu-luận không được trùng với mùa thi cử nhân và phải trình 1 tháng trước, khi thi gồm 5 bản cho nhà Trường và Hội-Đồng Giám Khảo.

Hội-Đồng giám-khảo thường có 3 vị : 1 vị thuyết-trình-viên, và 2 vị khác phụ trách 2 câu hỏi. Giáo-sư bảo-trợ Tiểu luận phải là Trưởng-Ban hoặc Giáo-sư Tiến-sĩ đã dạy ít nhất 1 năm tại Đại-Học Văn-Khoa.

Hội-Đồng giám-khảo sẽ cho điểm từ 00 đến 20 bài tiểu - luận hệ số 2 và 2 câu hỏi mỗi câu hệ số 1. Được cấp văn-bằng cao-học văn-khoa khi điểm trung bình theo thứ hạng thứ, bình thứ, bình, ưu khi được chấm điểm từ 10/20 trở lên.

Nếu sau 5 năm sau khi ghi tên nạp đề tài tiểu luận mà sinh viên chưa trình được coi như tự ý bỏ cuộc.

Đang kê tình hình tổng quát việc thi cử ở Đại-Học Văn-Khoa và khoa-học tiêu-biểu cho thể thức thi theo chứng chỉ :

ĐẠI-HỌC VĂN-KHOA : TỔNG SỐ THI CÁC CHỨNG-CHỈ						
	1963	1964	1965	1966	1967	1968
SV ghi danh	4350	4279	5476	7252	7882	7757
dự thi	1490	1910	3067	2970	4681	3528
trúng tuyển	894	1446	1687	1782	2328	2235
bách phân	60%	75,7	55%	60%	49,7	63,3

Kết quả vài chứng chỉ Đại-Học văn-khoa kỳ thi I/1969 :

Tên chứng chỉ	Thí sinh	Trúng tuyển	%
Dự bị Pháp-văn	86	19	22%
Dự-Bị Hán-văn	28	9	32%
Dự-bị Triết	179	43	24%
Chứng-chỉ Tâm-lý-Học	34	12	35%
-!- Địa-lý đại-cương	119	37	31%
-!- Việt-Sử	216	36	10,7
-!- Thế-giới sử	89	5	05,6
-!- Triết Đông	140	62	44,3
-!- Luân-lý Siêu hình	43	18	41,9
-!- Triết Ấn-Độ	40	27	67-
-!- Triết Trung-Hoa	70	20	28-

Đại-Học khoa-học : Kết quả các chứng chỉ Dự-Bị :

Tên chứng chỉ	1962	1963	1964	1965	1966
Sinh-hóa	1330	130	437	347	288 (1)
(CB)	287	54	265	207	192 (2)
Lý-hóa-nhiên	274	74	549	647	644
(PCS)	70	45	129	132	182
Toán-lý MP	296	174	127	373	203
	31	23	36	45	33
Toán-lý-hóa	802	596	780	1305	1028
(MPC)	122	138	181	187	235

(1) : Thí sinh dự thi

(2) Số trúng tuyển.

Đại-Học Khoa-học Saigon : thi các chứng chỉ :

	1963	1964	1965	1966	1967	1968
SV ghi danh	3388	3964	3866	4216	4830	5050
SV dự thi	2357	2813	3169	4223	3710	3672
trúng tuyển	577	790	873	1015	1568	2328
%	24,4	28	27,5	38,2	27,4	63,3

2. Thế thức học theo hệ thống năm :

a. Lô tả : Một số phân-khoa đại-học và cao-đẳng đại-học có tính cách chuyên môn hay chuyên nghiệp áp dụng thế thức học thi theo hệ-thống năm. Theo đó mỗi đầu niên khóa nhà trường sẽ tổ chức kỳ thi tuyển sinh-viên vào năm thứ nhất. Trong niên khóa lại tổ chức kỳ thi bán niên hay thi lên lớp vào cuối năm. Đặc điểm chung của các phân-khoa đại học hay cao đẳng áp dụng học và thi theo hệ thống năm là mỗi kỳ thi nhập học hội tụ số thí sinh quá đông nhưng số dự tuyển lại hạn định trong phạm vi khả năng thu nhận của nhà trường do đó tỉ-lệ thí sinh trúng tuyển/thí sinh dự thi quá thấp. Lý do tình trạng này dễ hiểu vì khi được thu nhận, sinh viên sẽ có 1 chương trình huấn luyện chắc chắn, được cấp học bổng, được đào tạo một nghề chuyên môn và có nhiều quyền lợi danh sẵn khi tốt nghiệp. Các trường Đại-Học hiện áp dụng thi cử theo hệ thống năm như Đại-Học Y-Khoa, Dược-Khoa, Nha-Khoa, Kiến-Trúc, Đại-Học Saigon, Cao-Đẳng Kỹ-Thuật Phú-thọ, Cao-Đẳng Nông Lâm-Súc, Học-viện quốc-gia Hành-Chánh v.v...

b. Trường tiêu biểu : Đại-Học Dược-khoa :

Chương trình học của sinh viên dược-khoa là 5 năm. Theo Nghị Định 1088/GD/HV/NĐ ngày 29.7.1965 của Tổng-Trưởng Giáo-Dục, các sinh-viên muốn thi vào năm thứ nhất Đại-Học Dược-Khoa phải có văn-bằng tú-tài toàn phần ban khoa-học văn-vật và những điều kiện khác do Bộ Giáo Dục qui định. Bài thi tuyển sinh-viên vào năm thứ nhất gồm có :

- Một bài trắc nghiệm về Lý, Hóa-học 30p hệ số 2
- Một bài trắc nghiệm về Văn-vật học 30p hệ số 2
- Một bài dịch Việt-Ngữ ra Anh hay Pháp 30p hệ số 1

* Thi lên lớp : Mỗi năm trường Đại-Học Dược-Khoa tổ chức 2 khóa thi lên lớp. Ngày thi và thành phần giám khảo do khoa-trưởng đề-nghị và Viện-trưởng Viện Đại-Học phê-chuẩn.

I. Thi Lên lớp cuối năm thứ nhất : gồm 5 hình thức :

a. Thi viết : một bài hóa học hữu cơ : 100 điểm
 một bài hóa học vô cơ : 100 điểm.

b. Thi tập sự : Sau thời gian tập sự ấn-định, sinh-viên sẽ dự thi tập sự, nếu không trúng tuyển, được thi lại năm kế tiếp. Kỳ thi tập sự gồm có :

- thi nhận mặt thuốc và cây : gồm 15 loại thuốc và 30 loại cây, sinh viên phải nhận mặt được 8 loại thuốc và 20 loại cây để đủ điểm trung bình 30/60, thời gian 30 phút.

- thi biên luận về một chế được-phẩm theo toa Bác-Sĩ , thời gian 20 phút, điểm tối đa 20.

c. Thi vấn đáp : Về tất cả các kiến thức dược lý trong thời gian tập sự do 3 giám khảo sát hạch, : 60 điểm.

d. Xét vở thực tập : 20 điểm

e. Thi thực tập : sinh-viên phải viết bài biên luận về 2 loại thuốc có trong chế thủ (codex) trước khi bào chế thời gian 20 phút, thời gian bào chế 3g30 phút điểm tối đa 40. Nếu thí sinh được trúng tuyển hẳn kỳ thi cuối năm thứ nhất Dược-khoa các thí sinh phải:

- đậu phần thi viết với số điểm $\geq 100/200$

- đậu phần tập sự với tổng số điểm $\geq 100/200$

và không có điểm nào dưới 05/20.

2. Thi cuối năm thứ hai và cuối năm thứ ba : gồm 3 hình-thức :

a. Thi thực tập : Ngày thi do giảng nghiệm viên ấn định, bài thi gồm 2 môn thực tập, mỗi môn 3g điểm tối đa 20. Thí sinh có thể không thi thực tập ngay khóa I và xin thi ở khóa 2 và phải báo trước 1/2 tháng trước ngày thi.

b. Thi viết : gồm 2 bài thi viết chọn bằng cách rút thăm trong phòng thi trong số tất cả các môn trong niên khóa học. Được trúng tuyển thí sinh phải có điểm trung bình // 10/20 và không có môn nào dưới 5/20 điểm.

c. Thi vấn đáp : gồm tất cả các môn học trong niên-khóa chưa thi viết. Được trúng tuyển hẳn, tất cả các bài thi phải có điểm trung bình // 10/20, không có môn nào dưới 5/20 và không có 2 môn dưới 9/20.

3. Thi cuối năm thứ tư :

a. Thi thực tập : 4 môn chính (Lý, Hóa, vi sinh-vật)

b. Thi vấn đáp : tất cả các môn lý thuyết (8 môn). Được trúng tuyển thí sinh phải có điểm trung bình // 10/20, không có môn nào dưới 05/20 và không có 2 môn dưới 09/20 (4).

4. Thi tốt nghiệp :

Kỳ thi tốt nghiệp Đại-Học Dược-Khoa chia làm 2 phần cách nhau 1 tháng. Mỗi phần gồm có thi thực tập và thi vấn đáp. Ngày thi và Ban Giám-khảo được khoa-trưởng đề nghị và Viện-Trưởng Viện Đại-Học phê chuẩn. Trúng tuyển kỳ thi tốt nghiệp tổng số điểm thực tập và lý thuyết // trung bình 12/20, không có điểm nào dưới 5/20 và không có 2 điểm dưới 9/20 và được cấp VĂN-BẰNG DƯỢC-SĨ QUỐC-GIA (1)

Trong trường hợp, sinh viên Dược-Khoa thi hỏng liên tiếp 4 khóa sẽ không được tiếp tục theo ngành Dược Khoa. Riêng kỳ thi thứ tư sẽ được Hội-Đồng Giám-Khảo đặc biệt cử xét trước khi quyết định.

5. Tình hình tổng quát về thi cử Đại-Học dược-khoa tiêu biểu cho các phân khoa và cao-đẳng áp dụng theo hệ thống năm.

Tình hình thi tuyển Đại-Học Dược-Khoa vào năm thứ nhất (1) :

Niên khóa	Số thí sinh	trúng tuyển	bách phân
1965-1966	2.728	400	10,45%
1966-1967	4.036	400	09,91
1967-1968	4.362	400	09,17
1968-1969	5.849	400	06,83

Tình hình thi lên lớp niên khóa 1967-1968 (1) :

N a m	STS	TT	%
I lên II	441	236	53,51
II ' III	815	413	50,67
III ' IV	999	569	56,95
IV ' V	409	335	81,75

Thi tốt nghiệp Văn-bằng Dược-sĩ Quốc-Gia (5) :

N a m	STS	TT	%
1961 - 1962	58	48	86,20
1962 - 1963	63	55	87,30
1963 - 1964	61	57	93,44
1964 - 1965	108	96	87,96
1965 - 1966	147	134	91,18
1966 - 1967	262	246	93,85
1967 - 1968	265	236	96,32

(5) Tài liệu của Trường Đại-Học Dược-Khoa (Phòng Thí-Vụ).

3. Thế thức học thi theo tín chỉ (credit)

Thế-thức học thi theo tín chỉ hiện được áp dụng cho vài phân khoa ở Viện Đại-Học Cần-Thơ, Vạn-Hạnh, Huế, Đà-Lạt và cả Đại-Học Y - Khoa Saigon trong vài môn. Riêng tại Viện Đại-Học Cần-Thơ có khuyến - hướng áp dụng toàn diện lề lối học tập và thi cử theo tín chỉ. Trong niên-khóa hiện tại (1969-1970) Cần-Thơ đã áp dụng cho toàn Viện thế thức này. Nghị-Định 184I GDTN/PC/NĐ ngày 6.II.1968 của Tổng-Trưởng Văn Hóa Giáo-Dục đã ấn định thế thức tín chỉ cho Viện Đại-Học Cần-Thơ được mô tả như sau :

a. Lộ tá :

Chương trình học để lấy văn bằng cử nhân được chia ra nhiều học-phần tức tín chỉ. Mỗi học-phần gồm những bài giảng tối thiểu 25 giờ, tối đa là 30 giờ trong mỗi lục cá nguyệt trong niên khóa. Sau khi dạy xong học-phần mình phụ trách, giáo sư sẽ tổ chức cho sinh viên thi ngay. Mỗi sinh viên theo học phải hội đủ một số học-phần bắt buộc và có thể lựa chọn một số học-phần khác làm thế nào để các môn học đi từ dễ đến khó, từ tổng quát đến chuyên môn. Sau khi thi xong các học-phần có thể được lên lớp những các năm sau phải thi lại các phần rớt đến khi đủ số bắt buộc mới được cấp văn-bằng. Thí dụ tại 2 phân khoa: Khoa học vạn-vật và Khoa-học chính xác Viện Đại-Học Cần-Thơ trong các năm sinh viên phải học những tín chỉ như sau :

Khoa học vạn-vật			Khoa-học chính-xác		
Năm I	Năm 2	Năm 3	Năm I	Năm 2	Năm 3
18	14	14	15	19	12
tín chỉ	tín chỉ	tín chỉ	tín chỉ	tín chỉ	tín chỉ

Các tín chỉ học về những gì do Viện-trưởng ấn định có thể gồm các phần lý-thuyết thực tập và hướng dẫn.

Thí dụ : trong năm thứ nhất Ban Khoa-học vạn-vật sinh-viên phải học và thi 18 tín chỉ sau đây :

Tín chỉ 1 và 2 địa chất học, 3 và 4 sinh-học động vật, 5 : hóa đại cương và hóa học vô cơ, 6 : hóa học hữu cơ, 7 và 8 : sinh học thực vật

9 : vật-lý cơ nhiệt, 10 : vật-lý (điện), 11 : vật-lý (quang-học) 12 : sinh-ngữ, 13; toán đại cương, 14 : thực tập địa chất, 15; thực tập động vật, 16 : thực tập hóa học, 17; thực tập vật lý, 18; thực tập thực vật.

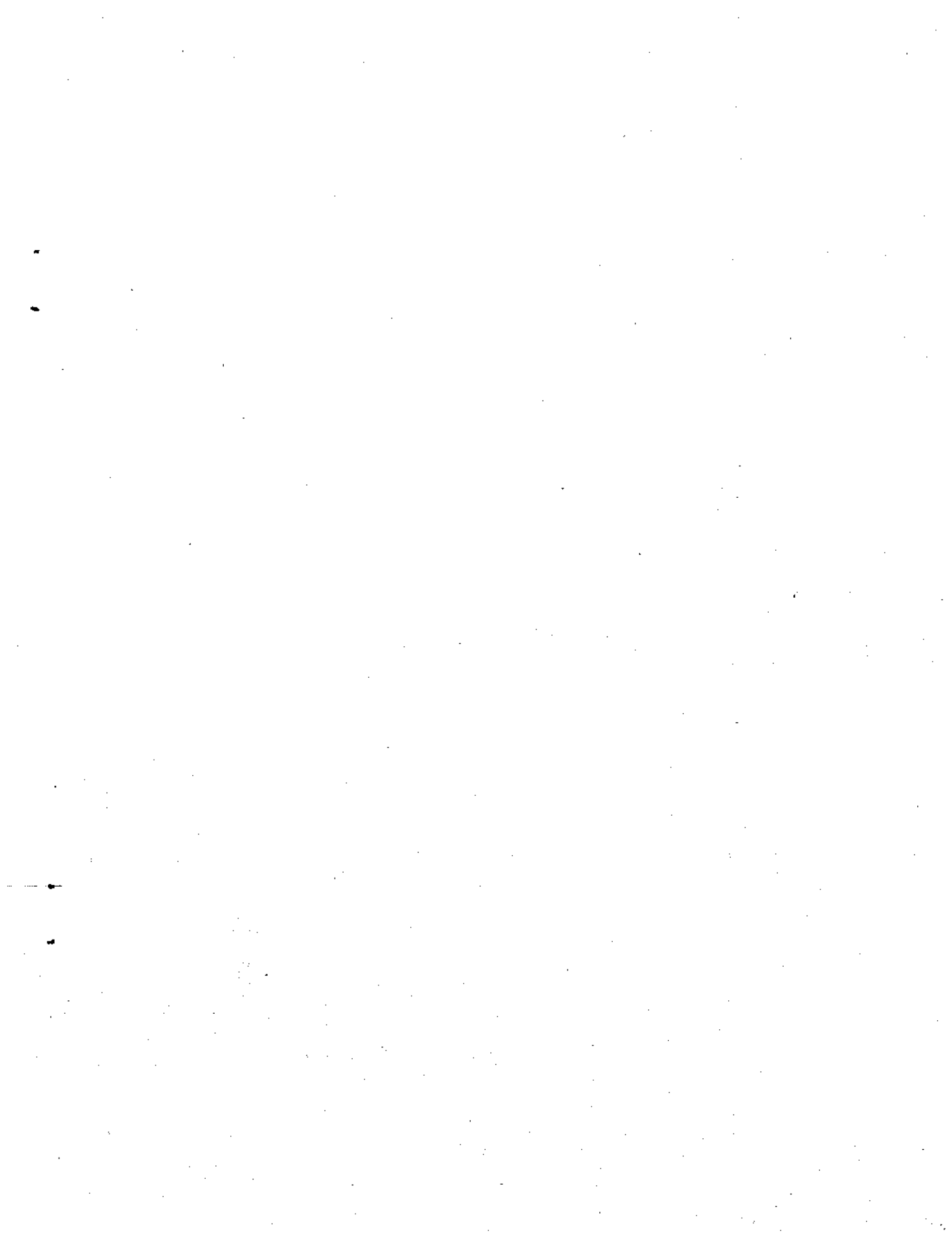
b. Thi tín-chỉ :

Các giáo sư dạy xong học phần của I tín chỉ phân-khoa sẽ tổ chức thi ngay nhưng làm thế nào tránh cho sinh viên thi nhiều tín chỉ cùng một lúc để khỏi dồn dập bài học quá nhiều. Mỗi tín chỉ được tổ chức 2 kỳ thi, nếu sinh viên rớt tín chỉ kỳ lục cá nguyệt thứ nhất sẽ được thi lại vào kỳ cuối niên học, nếu sinh-viên rớt tín chỉ thuộc kỳ lục cá nguyệt thứ hai thì được dự kỳ thi tổ chức vào đầu niên khóa tới. Ban Giám-khảo thi mỗi tín chỉ gồm : chánh-chủ-khảo do giáo-sư giảng dạy đảm trách và một giáo sư giám khảo do khoa-trưởng đề nghị. Đối với các tín chỉ thực tập sinh viên sẽ thi với thành phần giám khảo gồm : chánh chủ-khảo do giáo sư giảng dạy đảm trách và 2 giám khảo là 2 vị giảng nghiệm viên. Các môn thi trong I tín chỉ có thể là I bài vấn đáp I bài viết hoặc I thủ-thuật thuộc các tín chỉ chuyên môn.

c. Kết quả : Thế thức học thi theo tín chỉ đem lại kết quả khả quan, sinh viên có thể đậu tất cả các tín chỉ bắt buộc và không có sinh viên nào rớt tất cả các tín chỉ mình đã học theo bảng kết quả kỳ thi thứ nhất năm 1969 sau đây :

Ngành học	tín-chỉ bắt buộc	thí sinh	số đỗ	Cước chú
<u>Khoa học</u> :				
năm thứ I	I5	77	27	50 SV đỗ trên 7 t.chỉ
năm thứ 2	I3	49	20	25 -1- 7 -
năm thứ 3	I2	17	12	I6 -1- 7 -
<u>Van-vật</u> :				
năm thứ I	I8	I23	24	74 -1- 9 -
năm thứ 2	I4	47	10	25 -1- 7 -
năm thứ 3	I5	I7	11	I6 -1- 10 -

Nhận định về thế thức thi cử mới mẻ này chúng tôi sẽ đề cập ở Phần thứ hai khi bình-nghị về việc tổ chức thi cử ở Đại-Học.



PHẠC HỌA CHIÊU HƯƠNG CÀI TỐ

BÌNH-NGHỊ LÊ-LÔI THÌ-CỬ HIỆN-TẠI
VÀ
PHẠC-HỌA CHIÊU-HƯƠNG CÀI-TỐ

Chương Một

BÌNH-NGHỊ LỀ-LỐI THI-CỬ HIỆN TẠI

"Học tài thi phận"
(tục ngữ)

ĐOẠN A : LỀ LỐI THI-CỬ CỦA NỀN GIÁO-DỤC KHÔNG CÓ CHÍNH-SÁCH

Từ nhiều năm qua, các nhà hữu-trách về giáo-dục đã lên tiếng, chỉ-trích nền giáo dục Việt-Nam là di-sản của phong-kiến và thực dân. Giáo-Dục Việt-Nam chỉ là hình thức rập khuôn của giáo-dục Pháp áp dụng trên nước ta để đào tạo những người thừa hành hơn là phụng sự dân tộc. Giáo-sư Trần-ngọc-Ninh cũng đã nhìn nhận : "Hai mươi năm vừa qua nền giáo-dục đã thất bại trong việc phát huy văn-hóa dân tộc, đã thiếu sót trong sự chuẩn bị cho thế hệ mới để đương đầu với thời cuộc, đã không tạo ra một lớp người lãnh đạo có đủ tài đức để hướng dẫn quốc gia đã không ảnh hưởng được thực sự vào đời sống kinh tế" (1)

Trước đó, Đại-Hội Giáo-Dục toàn quốc tháng 10-1964 đã thảo luận và đề ra 3 nguyên tắc định hướng nền giáo dục là : Dân-tộc, Nhân-bản và khai-phóng. Trong thực tế "Cuộc cách mạng về giáo dục" cho đến nay vẫn chưa thực hiện được như học giả Nguyễn-hiện-Lê đã từng hô-hào cổ võ (2) Điềm qua chương trình hiện đang áp dụng ở các cấp Tiểu, Trung và Đại-Học và cách thức tổ chức học khóa, thi cử vẫn còn nhìn thấy rõ sự lệ thuộc giáo dục Pháp.

Chương trình học cho các lớp trong các cấp học hiện nay là chương trình học nặng lý thuyết, có tính cách tù chương, chỉ làm phát triển kỹ ức của thanh-niên, chỉ giúp cho họ hiểu biết những gì mông lung, xa rời thực tế. Trong chương trình nhiều môn học đã lỗi thời thật không có gì đáng buồn bằng thanh niên Việt-Nam phải nhai đi nhai lại

(1) Trần-ngọc-Ninh. Các vấn đề văn-hóa, giáo-dục, xã-hội, Tổng Bộ Văn-hóa giáo-dục 1966 tr. 53.

trong nhiều năm những bài thơ "sầu bi yếu thế" hay "chán đời" rồi "buồn tình uống rượu". Chỉ làm nhụt chí thanh-niên. Trong khi đó vài môn học lại thiếu sót, nhất là ở cấp Trung-Học đáng lẽ phải huấn luyện cho học sinh hiểu biết thế nào là chánh trị hay các vấn đề về xã-hội, luật pháp căn bản của quốc-gia.

Năng khiếu cá nhân của thanh niên lại bị lãng quên, không có phương pháp khai thác những bộ óc tài ba của quốc-gia và không chú trọng đến hoàn cảnh của địa-phương. Trong toàn quốc, các trường học đều áp dụng chương trình đồng nhất. Đã có nhiều người than phiền về hậu quả của khuyết điểm này, không có gì phi lý hơn khi bắt một học sinh ở Thủ-Đô tả lại một "buổi gặt lúa" hay một "cuộc đánh lưới cá" mà học sinh ở thôn quê không thể viết được bài luận về việc "xem vô tuyến truyền-hình" khi chưa được biết đến lần nào.

Một chương trình giáo dục như vậy không tránh được hậu quả khi vào đời thanh-niên không giúp ích gì cho quê-hương dân-tộc mà chỉ biết cấp sách đi học, đi thi. Nếu thi hỏng thì chán đời, khổ sở, may mắn được đậu thì bỏ vợ hay chỉ tìm cách làm lợi cho bản thân, gia-đình rồi tài năng mai một đi trong cơn gió lốc của xã-hội vật chất, cạnh tranh. Lẽ lối thi cử của nền giáo dục không có chính sách như trên lại được, ~~hướng dẫn~~ bằng những nguyên tắc sai lầm làm cho hậu quả tăng thêm trầm trọng.

ĐOẠN B : LỀ LỐI THI CỬ CỦA CÁC NGUYÊN TẮC SAI LẦM :

Nguyên tắc là kim chỉ nam cho mọi hành động hướng dẫn đến kết quả mong muốn. Nguyên tắc sai lầm hay không thích hợp dĩ nhiên việc thực hiện sẽ không tốt đẹp được. Các nguyên tắc về thi cử mà chúng tôi đã nêu như nguyên tắc về đề thi, nguyên tắc về kỹ-luật phòng thi nguyên tắc chấm thi. Những nguyên tắc đó sai lầm ở điểm nào ?

I. Về nguyên tắc chọn đề trong chương trình học năm đi thi :

Theo quan niệm thi cử là để khảo sát trình độ sau thời gian huấn luyện, nguyên tắc chọn đề trong chương trình năm đi thi vấp phải những khuyết điểm sau :

a. Đề thi không thể bao gồm những điều đã dạy :

Trong chương trình học của niên khóa đi thi và cả những niên khóa trước có biết bao nhiêu điều đòi hỏi thí sinh phải hiểu biết, thế mà khi ra thi, thí sinh chỉ được hỏi về 1 vài điều đã học. Thí dụ điển hình : sau kỳ thi Trung-Học đệ I cấp phổ thông, học sinh phải học qua năm Đệ-Tam và Đệ-Nhị để thi - Tú-Tài : phần thơ. Chương trình đi thi chỉ nằm trong năm Đệ-Nhị và trong năm Đệ-Nhị thí sinh chỉ được hỏi vài điều. Thủ phần tích chương trình Việt-văn năm này như sau :

Về Văn học sử : các tác giả từ Nguyễn-Du đến 1945 như Nguyễn-công-Trứ, Nguyễn-Khuyến, Trần-tế-Xương, Cao-bá-Quát, Chu-mạnh-Trinh, Tôn-thọ-Trường, Phan-văn-Trị, Nguyễn-khắc-Hiệu, Đông-Dương tạp chí, Nam Phong tạp-chí, Tự-Lực văn-dean...

Về văn-thể : thơ hát nói, đường luật, thơ mới, ... thế mà đề thi đã hỏi những gì ? Đơn cử đề thi Việt-văn Ban A tú-tài I khóa 12.8.1969 như sau :

1. Định nghĩa 2 chữ ĐOAN-TUYẾT
2. Kể các LOẠI CHỮ dùng trong văn chương Việt-Nam.
3. Các thể thơ nào dùng trong thế kỷ 19.
4. Tiểu-sử PHAN-QUỲNH.
5. Khuyết hướng Đạo-Lý là gì ? cho vài câu thơ thí dụ.

Bình giảng 2 câu thơ : "Oh vua chưa chút đèn công
Cúi trông then đất giữa trông then trời" của
NGUYỄN-KHUYẾN.

Chương trình của 2 năm học, thí sinh được hỏi bao nhiêu đó. Còn những thứ khác bỏ đi đâu ? Do đó, hệ luận của việc làm trên đây là không kiểm soát đúng mức trình độ của thí sinh.

b. Không thể kiểm soát đúng mức trình độ học văn của thí-sinh :

Đối với thể-thức chọn đề thi như trên, thi-sử không đạt được mục đích kiểm soát đúng mức trình độ học văn của thí-sinh. Trong vài trường hợp người ra đề có tham vọng kiểm soát phần lớn những điều đã giảng dạy, đề thi sẽ mắc phải khuyết điểm khác là quá ôm đồm, quá dài so với thời gian thi có giới hạn. Loại đề này đã bị chỉ-trích.

c. Việc may rủi đóng vai trò quan trọng :

Đối với thí sinh may mắn, anh ta có thể không cần học nhiều, nếu đề thi rơi vào một vài điều hiểu biết là thí sinh đó có thể đỗ. Ngược lại, với I thí sinh khá hơn có thể hỏng vì đề thi đã đòi hỏi những điều thí sinh đó không được am tường lắm. Trường hợp trên, quả nhiên thi cử là cánh cửa sơ hở làm cho những kẻ kén tài nhưng may mắn lọt qua đường tiền bộ của giáo dục tạo nên nhiều bất công của học vấn và cả về phương diện xã-hội. Nhiều người cho rằng "Học tài thi phận" có dụng ý an-tủ phận tử kẻ may mắn nhưng bao hàm một ý nghĩa bất công chưa xét của lẽ lối thi cử. Nếu "học tài thi phận" là chân lý có lẽ không ai cần đi học nữa, chỉ chờ có cơ hội may mắn là thi đỗ và không cố gắng làm gì.

d. Việc giảng-huấn phản nguyên tắc sư-phạm :

Do tình trạng trên, giáo chức vì muốn học sinh mình đi thi đỗ nhiều để giữ vững nghề-nghiệp đã không ngần ngại coi thường lương tâm chức nghiệp và nguyên tắc sư-phạm bằng cách day tú cho học sinh. Đàng khác, vì muốn thi đỗ, học sinh cũng tự động hoctú. Tình trạng day tú và học tú như một căn bệnh kinh-niên của cơ thể thi cử. Nhiều vị Tổng Bộ-Trưởng Giáo-Dục đã liên tiếp thay nhau chạy chữa, nhưng mỗi lần thay đổi lại đi liền với sự phát khởi căn bệnh trầm trọng hơn. Giáo-sư Trần-ngọc-Ninh đã hữu lý khi nhận ra tình trạng này. Ông viết : " Ở mỗi lần thay đổi chánh-phủ, các thầy giáo lại I lần thoát mồ hôi để học cấp tốc mấy bài trong chương trình mới, còn học trò thì hoang mang cho đến khi chép được mấy bài tú "chắc là sẽ ra" trong kỳ thi tới" (3)

Hình thức thứ hai của việc giảng huấn và học vấn phản nguyên tắc sư-phạm nữa là việc học NHẢY. Học nhảy nghĩa là không học các lớp dưới, học tấp để đi thi. Tình trạng này là tình trạng chung của các tư-thục hoạt động bừa bãi, mở các lớp Ngũ-Tứ, Tam-Nhị chuyên việc luyện thi. Giáo-sư Trần-ngọc-Ninh đã nhìn nhận thực trạng đó như sau: "Trong ít năm nay, ở nước ta phát sinh một số trường tư càng ngày càng nhiều chuyên làm công việc luyện thi. Một số giáo sư quên mất công việc thực sự của giáo dục cũng viết sách luyện thi... nhiều trường đã quang cáo lèo-loẹt vô lối với "hứa hẹn" và "bao đảm" của tính cách lừa dối được bày trước mắt mọi người" (4).

(3) Trần-ngọc-Ninh, những vấn đề văn-hóa, giáo-dục, xã-hội Tổng-Bộ Văn-Hóa Giáo-Dục Xã-Hội xuất bản 1966, trang 11

(4) Sách đã dẫn, trang 156

Có lẽ vì tình trạng nêu trên nên một số thanh niên đã đậu được văn bằng nhưng thực chất vẫn còn mang nặng sự ngu dốt trong đầu óc. Do đó, ngoài việc dùng văn-bằng để lừa thiên hạ, thực sự họ không giúp ích gì cho xã hội cả.

2. Về nguyên tắc nhất và việc bảo mật đề thi :

Nguyên tắc này tạo nên nhiều khó khăn.

a. Khó khăn đối với viên chức phụ trách : đó là các vị Thanh-Tra chọn lựa và ấn loát đề thi. Như chúng tôi đã trình bày trong phần trên, có khi vị thanh-tra và các cộng-sự của ông phải tự giam mình hàng tuần trong phòng kín từ khi soạn đề cho tới lúc cuộc thi bắt đầu để chừa toàn trách nhiệm. Đối với người có thiên chức cao có thể coi đó như một bổn phận, nhưng về phương diện xã hội lại có tính cách vô nhân đạo và phi lý do sự sai lầm về tổ chức đem lại.

b. Khó khăn đối với việc thực hiện :

Theo lời giải thích của các vị thanh-tra khảo-thí việc ấn loát đề thi song song với nguyên tắc nhất thật vô cùng khó khăn. Đề đề thi không bị lộ, vị thanh-tra và vài cộng sự tin cẩn nhất phải làm việc với kỹ-thuật và phương tiện như sau : đánh máy giấy sập (stencil) quay rô-néo, lựa chọn, vào phong bì, đóng khăn, cho vào rương. Các động-tác trên đây làm mất rất nhiều thì giờ có thể tính được. Đối với kỳ thi có 62.000 thí sinh nghĩa là đề thi phải trên 62.000 bản. Mỗi bản giấy sập in được tối đa 1000 bản, một đề thi dài trung bình đánh máy mất 15 phút. Máy chạy trung bình in 100 bản trong 10 phút, thời gian lựa chọn và vào phong bì bằng 2 thời gian in. Thời gian để phong bì và đóng khăn bằng thời gian lựa chọn. Bài toán thời gian tính như sau cho một môn thí sinh-ngữ :

Thời gian đánh Stencil :

$$\frac{15 \times 62.000}{1000} = 730 \text{ phút} = 10 \text{ giờ } 30 \text{ p.}$$

Thời gian máy in chạy :

$$\frac{10 \times 62.000}{100} = 6.200 \text{ phút} = 103 \text{ giờ } 20 \text{ p.}$$

Thời gian chọn lựa, vào phong bì và đóng khăn :

$$\frac{4 \times 10 \times 62.000}{100} = 413 \text{ giờ } 20 \text{ p.}$$

(5) Ông Văn-văn-Đầy, Thanh-Tra khảo-thí Nha Kỹ-Thuật và Chuyên-Nghiệp
Ông Nguyễn-thanh-Liêm Chánh Thanh-Tra Khảo-Thí Trung-Học

Tổng cộng : $\frac{10^E 30 + 103^E 20 + 413^E 20}{24}$ / 22 ngày

Nếu có 3 nhân viên phụ trách phải làm việc :

$\frac{It. 22}{3}$ / 1 tuần lễ.

Trong trường hợp dùng máy in có thể được nhanh chóng hơn như Nha Khảo-Thí đã áp dụng vài năm trước. Nhưng vì Thanh-Tra lại không phải là thợ in nên việc sử dụng và bảo trì máy móc không đúng mức do đó máy móc giá trị hàng triệu bạc đã bị hư-hỏng sau vài lần sử dụng. Như vậy việc án loạt đề thi qua thật là 1 bài toán vô cùng nan giải.

c. Khó khăn đối với việc chế tài :

Trường hợp đề thi bị lộ, ai sẽ chịu sự chế tài ? Có 3 trường hợp đề thi có thể bị lộ :

- Đề thi bị lộ ở trung ương do thanh-tra và nhân viên phụ-trách chịu trách nhiệm.
- Đề thi bị lộ ở Hội-Đồng địa-phương vì Chánh-Chủ-Khảo chịu trách nhiệm.
- Đề thi bị lộ ở trường thi do Hiệu-Trưởng, Trưởng-Ban chịu trách nhiệm.

Thật ra, khi đề bị lộ, cơ quan điều-tra khó có lý do chính đáng qui trách nhiệm cho ai và như vậy đề thi vẫn thường nghe dư luận phàn nàn đã lộ ở nơi này, ở nơi khác...

3. Về nguyên tắc kỷ-luật phòng thi :

Các nguyên-tắc kỷ-luật phòng thi hiện đang áp dụng chỉ có tính cách hăm dọa và chế tài hơn là ngăn ngừa. Nhiều sự chế tài lại quá khác khe và vô lý như trường hợp nếu có vụ lộn xộn, vô kỷ - luật của thí sinh ở nơi nào, Bộ Giáo-Dục sẽ xét và bỏ hẳn không chấm một kỳ thi, bãi bỏ tổ chức kỳ thi ở nơi đó trong vài tháng hay vài năm(6). Một quyết-định như vậy vừa không hợp thời, không hợp lý và cũng không hợp nhân vì lẽ đa số thí-sinh không vi phạm kỷ-luật đều chịu chung một hình phạt với vài phần tử thí sinh vô kỷ-luật tức là chịu sự đánh hỏng khóa thi đó và những khóa sau phải đi thi ở nơi khác, tỉnh khác. Dù kỷ-luật đặt ra quá khác khe như vậy hàng năm vẫn không ngăn cấm nổi thí sinh gian lận ở trường thi.

Việc gian lận có thể được hiểu vì 2 lý do :

(6) Nghị-Định 474 GD/TT/KhT/HK/2 ngày 15.3.1966 của Tổng Ủy-Viên Văn-Hóa Giáo-Dục và Xã-Hội.

a. Đối với thí-sinh vô kỷ-luật :

Có thể là những phần tử đi thi với **tinh** thần cầu may, những phần tử kém tài, kỷ-luật trường thi chỉ là hư ảnh của "ông ngáo ộp", nếu tránh né được họ có thể thi đỗ, nếu bị bắt gặp và bị chế tài họ cũng không hối tiếc gì.

b. Đối với những giám-thị thiếu lương-tâm :

Thực trạng phủ-phàng nhất của việc thực hiện các kỳ thi cử vẫn còn tồn tại là do nhiều giám thị thiếu lương-tâm.

Có thể là loại giám thị quá gắt gao, la hét, nạt nộ thí sinh làm khủng hoảng tinh thần và làm mất thì giờ làm bài của thí sinh.

Có thể là loại giám thị làm bốn phần tác trách, lơ là nặc cho cho thí sinh làm gì thì làm miễn là phải "vén khéo một chút" dùng "lộ-liều" quá và chỉ lo trò chuyện với người đồng nhiệm.

Có thể là loại giám-thị quá lo lắng cho việc đậu, rớt của thí sinh đến nỗi phải chỉ bảo cho thí sinh làm như thế này, như thế khác, nhiều khi thay vì lo gìn giữ kỷ-luật, trật-tự, họ lại toa rập với nhau, một người giải nghĩa trên bảng đen, người khác canh chừng sự vắng lai của giám-thị hành lang hay chánh chủ-khảo.

Do đó, nhiều người đã ngạc nhiên khi thấy có phòng thi đa số thí sinh đều đỗ, có phòng khác đều hỏng cả. Thành thử, nguyên tắc tổ chức để đem lại công bằng nhưng chỉ gây toàn những bất công, một thành quả phản nhiệm hành (disfunction). Đó cũng là một trong những lý do xảy ra nhiều vụ hăm dọa hành hung giám khảo, giám thị đay vẽ sứt máu trong các kỳ thi vừa qua, do phản ứng của vài phần tử thí sinh bẽ đảng, dơ côn hay có vũ-khí.

4. Về thể-thức chấm thi :

Thể-thức chấm thi và việc làm của các giám khảo còn đem lại nhiều bất công trầm trọng hơn.

a. Tinh cách vô danh của bài thi :

Bài thi trước khi giao cho vị giám-khảo chấm điểm đều được bọc phách nên có tinh cách vô danh làm cho vị giám khảo không biết được người làm bài mình đang chấm là ai, để ngăn ngừa trường hợp tây-vị đối với thí sinh là bà con, quen biết với giám khảo. Thực ra, lập luận này có thể bị bác như theo Giáo-sư Nguyễn-văn-Trung chỉ trích : "lề lối bọc phách ngăn cản giáo-sư trực tiếp thẩm định khả năng thí sinh mà mình có thể biết rõ. Người ta viện cố bọc phách để vô tư hơn, nhưng thực ra

vô ích vì giáo-sư vẫn có thể thiên vị, chỉ cần thí sinh đem nhà nhận mặt chữ hay đưa mẫu giấy nháp có mấy dòng ở đầu bài là đủ (7). Hay nói khác, lờ lỏi rọc phách gây ra bất công vì có trường hợp thí sinh mà giám-khảo biết rõ cố gắng, nhưng chỉ vì vài sơ hở trong bài thi cũng có thể rớt, trái lại, thí sinh kém mà chỉ vì may mắn, đề thi rơi vào vài điểm mình hiểu biết là có thể đậu. Theo giáo-sư Nguyễn-văn-Trung: "Lờ-lỏi rọc phách bài thi đã đặt thí sinh đứng trước một tòa-án vô danh gồm những thẩm phán xa lạ".

b. Tính cách chủ-quan của giám-khảo :

Khi chấm điểm, tuy phải căn-cứ vào thang điểm đã lập để làm chuẩn, nhưng giám-khảo có toàn quyền phê điểm trên bài thi của thí-sinh trừ trường hợp đặc biệt mới được xét lại (thí dụ các bài phê 00 điểm) làm cho người ta có thể nghi ngờ sự thiếu công bằng của giám-khảo. Lập luận cho rằng khi chấm bài giám-khảo có thể bị chi phối bởi yếu tố tình cảm vui buồn của hoàn cảnh hay những bức dọc riêng tư, với tâm trạng thay đổi của con người không thể không có ảnh hưởng đến việc phê điểm cho thí sinh. Lúc vui vị giám khảo có thể phê điểm rất rộng rãi, ngược lại khi buồn bực, cau có, mọi việc có thể trút lên đầu thí sinh đối với vị giám khảo thiếu tự chủ. Sự sai biệt về việc phê điểm cho thí sinh giữa vị giám khảo này và vị giám khảo khác là yếu tố không chối cãi được.

ĐOẠN C : LỀ LỐI THI CỬ CỦA HỆ THỐNG TỔ CHỨC PHI LÝ :

I. Khuyết điểm của việc tổ chức thi cử ở Trung-Học :

a. Nha Khảo-thí : cơ-quan độc quyền tổ chức thi cử :

Áp dụng thể thức trung-ương tập quyền, Nha Khảo-thí Bộ Văn-Hóa Giáo-Dục lãnh tổ chức và điều hành tất cả các kỳ thi Tiểu-Học và Trung-Học phổ thông trên toàn quốc, một hình thức độc tài không thể tồn tại trong sinh hoạt của một quốc-gia dân chủ nhất là trên bình diện giáo-dục. Hơn nữa, khả năng hạn hẹp về nhân viên và điều kiện điều-hành công vụ trong phạm vi của tổ chức Nha, không cho phép Nha Khảo-Thí hoàn thành nhiệm vụ một cách tốt đẹp được. Điều chứng minh hùng-hồn nhất trong các kỳ thi những năm vừa qua đã xảy ra nhiều vụ bê-bối ở cơ quan này là hậu quả của thể thức tập quyền đồng thời cũng làm cái đích cho nhiều nguồn dư luận chỉ trích. Những phần tử xấu đã bị tố giác và bị loại ra khỏi guồng máy công vụ những sự ngờ vực của công chúng cũng vì thế mà đã chần dứt.

(7) Nguyễn-văn-Trung, Góc nhìn phê-phán Giáo-Dục và Đại-Học, trình bày 1967, tr.82.

Ngoài ra, tổ chức phi-lý trên làm cho hậu hết các nhân - viên của cơ quan này từ cấp chỉ-huy đến người thừa hành quá mệt mỏi vì luôn luôn bận rộn công vụ, nhất là trong mùa thi cử, mức độ căng-thẳng bao trùm trong bầu không khí hồi-hạ, thúc bách của công việc.

Đối với các kỳ thi trung-học kỹ-thuật và chuyên-nghiệp, cũng với thể-thức tập quyền do Phòng khảo-thí thuộc Nha Kỹ-Thuật học-vụ phụ trách tổ chức và điều hành. Hiện nay việc tổ chức đạt được kết quả tốt, lý do dễ hiểu vì các kỳ thi về kỹ-thuật số thí-sinh không quá đông đảo. Tuy nhiên, nếu có tầm quan sát xa hơn, trong vài năm tới đây với sự phát triển về ngành kỹ-thuật, số thí sinh đi thi sẽ gia tăng. Phòng khảo-thí Nha Kỹ-Thuật Học-Vụ lúc đó chắc chắn sẽ rơi vào vết xe lằm lạc của Nha khảo-thí trung-học phổ-thông. Cần có biện-pháp thích ứng cải tổ ngay để tránh những khó khăn và hậu quả sai-lạc sẽ xảy ra.

b. Hệ-thống thi cử rườn rà :

Qua nhiều lần cải tổ, nào là bãi bỏ kỳ thi văn-băng Tiểu-Học, bãi bỏ kỳ thi văn-băng Trung-Học đệ I cấp, bãi bỏ kỳ thi tú-tài phần I khóa 2, bãi bỏ kỳ văn-đáp tú-tài II thay bằng kỳ tiểu-học tráng-niên, trung-học tráng-niên cho những công-dân 18 tuổi trở lên (8). Thực ra, những sửa đổi đó chỉ có tính cách ~~vấn-vấn~~ tạm-thời, hệ-thống thi - cử rườn rà vẫn còn nguyên trạng. Một thanh-niên ra đời với văn-băng cử-nhân hay tương-đương phải trải qua khoảng 30 kỳ thi kể cả các kỳ thi bán-niên, lên lớp, thi nhập học, thi văn-băng và thi tốt-nghiệp. Thật là những hàng rào vĩ đại ngăn cản bước tiến của thanh-niên. "Thi - cử liên miên tạo ra tinh thần cầu may và mất tự-tin" (9). Nhiều người đi học phải bỏ dở nửa chừng vì không còn đủ nghị-lực bước qua những chiếc cầu thi cử. Thống-kê cho biết rằng số 100 trẻ em vào tiểu-học chỉ có 7 người lên được tới đại-học (10). Với những hàng rào thi cử như vậy, thật là ngao-ngán cho những ai đã đi qua và thật là vô vọng cho những người còn đang theo đuổi học vấn. "Và những người thanh-niên đó khi trưởng thành, ra đời, họ sẽ cảm nghĩ những gì khi tuổi trẻ của họ đi qua chỉ để lại những kỷ-niệm buồn khổ" (11).

- Giáo-chức, học-sinh, vinh-viên mệt-mỏi :

Việc tổ chức thi cử liên-miên như vậy làm cho trong mỗi "mùa thi" hàng năm vào dịp hè giáo-chức bị điều động phụ-trách chấm thi, gác

(9) Trần-ngọc-Minh, Các vấn đề văn-hóa, giáo-dục, xã-hội, Bộ VHGD 1966, trang 12

(8) Nghị-định 182I GD/PC/NĐ 27.12.65, nghị-định 199I, 1992, 8.10.66 Tổng Ủy-Viên Văn-Hóa Giáo-Dục Xã-Hội.

(10) Nền giáo-dục Việt-Nam, những đề nghị cải tiến, UBNC : Wisconsin.

(11) Nguyễn-văn-Trung, góp phần phê-phán Gd - Đại-Học trình bày 1967, tr. 79.

thi và có khi phải di-chuyển từ địa-phương này đến địa-phương khác để hành nhiệm. Còn học sinh và sinh-viên phải vui đầu vào bài vở cuối niên-khoá để đi thi. Người nào may mắn đỗ được kỳ nhất còn có thể được nghỉ-ngơi, nếu hổng sẽ vô cùng khổ nhọc để học thi kỳ thứ hai. Hiệu năng giảng dạy và học tập vì thế càng ngày càng giảm sút.

- Tốn công quỹ :

Chi phí về tổ chức và điều hành thi cử như giấy má, đề thi, thù lao cho giám-khảo và giám thi không phải là con số nhỏ, từ 30 đến 50 triệu (12) bạc mỗi năm cho các kỳ thi Tiểu-Học, Trung-Học và Tú-Tài phổ thông, từ 16 đến 25 triệu (13) cho các kỳ thi đại-học thuộc Viện Đại-Học Saigon.

c. Kết quả thi cử thất bại :

Nhìn vào các bảng kê số thí sinh đậu rớt trình bày trong phần I trước đây ta thấy rõ tỉ lệ thí sinh thi đậu và dự thi thường rất thấp, tăng giảm từ 20 đến 40% trong các kỳ thi mỗi năm. Dữ-kiện đó cho thấy thất bại của nền giáo-dục Việt-Nam.

- Thành-phần thi đậu thì lạc lỏng khi vào đời với mô lý thuyết vu vơ xa rời thực tế không giúp ích thiết thực cho đời sống cá nhân và xã-hội. Nhiều người học cao, đỗ nhiều bằng cấp lại vô hạnh là hậu quả của chính sách giáo-dục ngoại lai còn tồn tại.

- Thành phần thi rớt lại chán chường, bất mãn, tuyệt-vọng có khi đưa đến tự tử. Không có mùa thi nào không có người tự tử vì thi rớt, vì thất bại về thi cử kéo theo một chuỗi thất bại khác như tình duyên, gia-đình, tương-lai, thân thể ... Giáo-dục Việt-Nam đã làm-lở và gạt bỏ thành phần này và không hề tìm cho họ một lối thoát. Một kỳ thi với 62.616 thí sinh (14) chỉ đỗ được 13.980 người còn trên 48.000 người khác bị rớt sẽ đi về đâu? Thật là bi đát khi Gaston Berger đã nhận xét: "Kỹ-nghệ hiện đại đã cố gắng tận dụng những đồ thừa thải của sản xuất (vỏ chai, nước bán, khói, giấy vụn, tiếng động của máy) nhưng giáo-dục Việt-Nam thì không tận dụng những người thi rớt. "Những thanh niên hổng thi không bằng vỏ chai, nước bán, khói bụi, sắt vụn" như giáo-sư Nguyễn-văn-Trung đã so sánh (15). Và cứ mỗi mùa thi, báo chí dư luận lại có dịp ta thán, bình luận, chỉ trích vấn đề thi cử nào là đề thi khó, hội-đồng này đậu ít, đậu nhiều, ban này đậu ít, ban khác

(12) Con số chưa chính xác của Phòng Thống-Kê Bộ Giáo-Dục.

(13) Ước lượng của Phòng chỉ-dẫn và thống-kê Viện Đại-Học Saigon.

(14) Kỳ thi Tú-Tài I / 1969

(15) Sách đã dẫn, trang 80.

lộ đề thi. Những đơn từ, khiếu nại của phụ-huynh và thí-sinh được đăng trên báo chí với lời lẽ hoặc danh thốp buộc tội hay rên-rỉ van xin. Ngay cả vài ông Dân-biểu nị dân, nị học sinh cũng tuyên bố lập trường, phát biểu ý-kiến đòi hỏi chánh-quyền phải tổ chức thi kỳ 2, khóa đặc-biệt hoặc vớt điểm (16). Vấn đề không phải giản dị là thi lại hay vớt điểm mà phải sửa cái tận căn-bản của lề lối giáo-dục và thi cử hiện tại, nhiều hậu các vấn đề khác sẽ được giải tỏa.

- Thành phần bị loại : Đó là các thí sinh thi nhập học vào các lớp đệ-thất công lập phổ thông và đệ-ngũ kỹ-thuật. Các trẻ em không may mắn được trúng tuyển, bị loại ra khỏi các trường công lập chỉ có thể cấp sách đi học trường tư hay phải nghỉ học. Kết quả của các kỳ thi nhập học lớp đệ-thất công-lập còn thấp hơn các kỳ thi văn-bằng đó là hậu-quả của tình trạng thiếu thôn trường ốc gây ra. Số thí sinh dự thi quá đông trong khi số thu nhận của mỗi trường có hạn. Sở dĩ có tình trạng này vì tâm lý chung không ai muốn cho con em mình học trường tư - thực. Với tính cách thương mại, cạnh tranh của các trường tư đã làm mất hẳn lòng tin-nhiệm của chánh-thủ và công chúng. Vì thế ai cũng quan - niệm khi con em đầu vào trường công, việc dạy dỗ, kỷ-luật sẽ được chu - đáo hơn và tương lai chúng nó sẽ được bảo đảm hơn. Do đó, muốn được thâu nhận vào học trường công, trẻ em sẽ qua 1 kỳ thi vô cùng khó khăn nhất là vào các trường lớn ở thủ-đô như Pétrus-ký, Chu-văn-An, Gia-long hay Trưng-Vương, Cao-Thắng ... Tại trường Pétrus-ký, kỳ thi vào lớp đệ-thất ngày 1.7.1969 với số thí sinh 4154, trúng tuyển 554 tỉ-lệ 13,35% đã nói lên thực trạng đáng buồn cho tương lai trẻ em Việt-Nam và 1 tình trạng giáo-dục suy-trầm hiện tại. Xét cho cùng, trong căn bản việc tổ chức kỳ thi vào đệ thất hay đệ-ngũ là việc làm hoàn toàn phi-lý vì vì không thể nào bắt buộc các trẻ em 11, 12 tuổi phải quyết định tương lai của mình bằng một kỳ thi.

2. Ưu, khuyết-điểm của việc thi cử ở Đại-Học :

a. Các đại-học tổ chức thi cử theo hệ thống năm :

Cũng như tình trạng thi tuyển vào lớp đệ-thất công-lập các đại học tổ chức thi cử theo hệ thống năm, hàng năm đều tổ chức kỳ thi tuyển sinh viên vào năm thứ nhất. Mỗi kỳ thi hội tụ một số thí-sinh quá đông và số thu nhận lại cũng có hạn nên thi cử cũng thật khó khăn. Năm nào trường đại-học nào cũng lên tới hàng ngàn thí sinh dự thi và mỗi trường đại-học số thu nhận chỉ tới hàng trăm hay vài trăm sinh-viên. Nhiều sinh

(16) Điển hình là vụ kỳ thi tú-tại I ngày 12.8.69 vừa qua. Dự luận xin xao về những đòi hỏi thi khoa đặc biệt hay vớt điểm vì tỉ lệ thí sinh đậu qua thấp với 22,32%. May thay chánh-quyền văn cương quyết giữ lập trường : thi 1 khoa và cũng không vớt điểm.

viên không có năng khiếu về một ngành của trường đại-học tổ-chức thi-tuyển những văn xin dự thi vì tin tưởng với chương trình đào-tạo của nhà trường, sự học vấn và tương lai sinh-viên sẽ được bảo-đảm hơn khi được thâu nhận.

Vì tính cách chuyên môn hay chuyên nghiệp của các đại-học loại này nên việc thi cử để lên lớp hay tốt nghiệp được qui định riêng biệt cho sinh-viên của nhà trường vì vậy thể thức thi cử có thể sửa đổi dễ dàng để phù hợp với tình trạng mới và mỗi trường đại-học đều có thể thức khác biệt với nhau. Nhìn chung việc huấn luyện và thi cử của các trường đại-học loại này đã đạt được mục đích và ý-nghĩa đúng-dắn của việc thi cử là sát hạch khả năng và thẩm định giá trị hiểu biết của sinh-viên.

b. Các đại-học tổ chức thi-cử theo chứng chỉ :

Trường hợp thông thường nhiều sinh-viên không chen chân vào được trong các trường cao-dẳng chuyên-môn hay chuyên-nghiệp quay sang ghi danh học các phân khoa như văn-khoa, luật-khoa, khoa-học. Tại đây thành phần sinh viên phức tạp. Có người theo học do năng khiếu ham-chuộng, cũng có người đi học một cách "tài tử" vì vô vọng, chán nản. Có người đỗ Tú-tài ban A, B lại theo học văn-khoa, luật-khoa vì không/các trường Y, Dược hay Cao-Đẳng dung-hạp.

Do đó, không ai ngạc nhiên khi thấy kết quả các kỳ thi cuối năm nhất là năm dự-bị rất thấp. Tỷ lệ thí-sinh đỗ với số dự thi thường 30%, 20% có khi 0,5% (17), lý do dễ hiểu là vì việc tổ chức và "lề lối giảng dạy lối thời (đồng sinh-viên, giảng theo lối diễn thuyết, giáo trình). Sinh-viên không đủ điều-kiện tinh-thần và vật-chất để học hỏi (thiếu thư-viện, sách báo, tiện-nghỉ vật chất" (18). Ở cấp Đại-Học, sinh-viên không được tiếp xúc với giáo sư để được hướng dẫn, chỉ bảo cho cá nhân hay từng nhóm (groupe de travail) là một lề lối học-tập mang sẵn tính cách thất bại :

Lối chia theo chứng chỉ còn có khuyết điểm khác là thiếu hợp lý đáng lẽ chương trình phải đi tuần tự từ dễ đến khó, từ tổng quát đến chuyên môn và các môn cũng phải liên hệ với nhau. Vì vậy, lối chia theo chứng chỉ không hợp lý bằng lối chia học theo hệ thống năm. Vì vậy các giáo-sư Liên-viện Đại-Học thuộc các trường văn-khoa đã đồng ý nhóm họp vào ngày 18 và 19 tháng 8 năm 1969 tại Đà-Lạt để thảo luận việc cải tổ chương trình học và thi tại các Đại-Học văn-khoa. Kết quả, Nghị-Định số 2116 GD/PCHV/NĐ ngày 1.10.1969 của Phó Thủ-Tướng kiêm Tổng-Trưởng giáo

(17) Đại-Học Văn-Khoa, chứng-chỉ thế-giới sử kỳ I, 1969.

(18) Nguyễn-văn-Trung, sách đã dẫn, trang 71.

đục được ban hành sửa đổi học chế các đại-học văn-khoa. Theo đó, kể từ niên-khoá 1969-70 thể thức học và thi theo hệ-thống năm sẽ thay thế hệ thống chứng-chỉ. Chương trình cử-nhân văn-khoa gồm 4 năm học : 2 năm đầu sinh-viên tốt-nghiệp được cấp-bằng Cao-Đẳng Văn-Khoa và 2 năm sau với một tiểu-luận cuối năm thứ tư, sinh-viên tốt-nghiệp được cấp văn-bằng cử-nhân văn-khoa. Thời gian chuyển tiếp cho sự thay thế hệ-thống chứng chỉ bằng hệ-thống năm được ấn-định là 4 năm. Hiện nay Viện Đại-Học Saigon đang chuẩn bị soạn thảo và đệ trình Bộ-Trưởng Giáo-Dục duyệt-ký Nghị-Định áp dụng ấn-định các chi tiết về chương trình học và tổ chức thi cử. Nghị-Định áp dụng này đang bị xét lại về vấn đề thủ tục.

c. Phê bình đại-học tổ chức thi theo tín chỉ (credit) :

Việc tổ chức thi theo tín chỉ là phương-pháp học thi mới có nhiều ưu-điểm :

1. Tránh được việc tổ chức thi cử đại qui mô gây phiền phức tốn kém.
2. Bắt buộc sinh-viên cố gắng liên tục vì sau khi học xong môn học thí sinh phải thi ngay.
3. Tránh được đôn bài thi vào kỳ thi cuối năm làm cho sinh-viên quá mệt mỏi, giáo chức quá bận rộn.
4. Đòi hỏi sự hiểu biết đồng đều của sinh-viên về tất cả các môn học vì không có điểm môn này bù cho môn khác.
5. Tránh tình trạng "được thì ăn cả, ngã về không" như việc thi cử hiện tại, sinh-viên trên 1 điểm có thể đậu, dưới 1 điểm có thể rớt, và chỉ vì kém 1 điểm mà phải bỏ cả công trình cố gắng của 1 năm qua.
6. Giúp những sinh-viên thiếu phương tiện bị bỏ học ngang có thể tiếp tục học lại mà không đánh mất kết quả đã thu lượm được từ trước.
7. Giáo-sư trực tiếp thăm định trình độ sinh-viên mình dạy dỗ.

Tuy-nhiên, việc tổ chức thi theo tín chỉ vẫn phải khuyết điểm khi số sinh-viên theo học một tín chỉ quá đông, nhất là các tín chỉ thuộc năm thứ nhất. Việc thi cử sẽ trở nên rườm rà và giáo-sư cũng không thể theo dõi việc học của từng sinh-viên để có thể trực tiếp thăm định trình độ của họ. Để tránh tình trạng trên, một tín chỉ có thể chia ra từng nhóm sinh-viên từ 80 đến 100 người. Muốn vậy phải đòi hỏi đủ số giáo-sư phụ trách mà nền đại-học Việt-Nam đang thiếu giáo-sư. Tuy-nhiên, với những ưu-điểm nêu trên cần nghiên-cứu biện-pháp áp dụng để có kết quả tốt.

PHÁC-HOẠ CHIỀU-HƯỚNG CẢI-TỔ THI-CỬ

"Cầu Nhật-tân, nhật nhật tân, hựu-nhật tân"
Đại-Học

"Cải-tổ thi-cử là I phần nhỏ trong chương trình rộng-lớn" (1). Chương trình bao gồm các vấn đề liên quan đến chính-sách và kế-hoạch giáo-dục quốc-gia. Trong phạm vi hạn hẹp của đề tài phần nghiên-cứu không cho phép chúng tôi có tham vọng làm bàn đến việc hoạch định một chính sách giáo dục. Tuy-nhiên, thi cử là một cái bánh xe trong toàn bộ máy giáo dục vậy phải có tính cách liên quan tất yếu đến chính sách kế-hoạch giáo-dục mà hiện trạng nền giáo dục nước nhà đòi hỏi cần mạnh dạn cải tổ toàn thể và sâu rộng. Trong chiều hướng đó, việc cải tổ chia làm hai giai đoạn : giai-đoạn cấp thời với những giải-pháp cấp thời khả dĩ sửa chữa phần nào tệ trạng thi cử hiện nay và giai-đoạn thực hiện để hoàn tất chính sách giáo dục mới gồm những giải pháp dài hạn trong tiến trình xây dựng nền giáo dục quốc-gia.

ĐOẠN A : GIẢI PHÁP CẤP THỜI :

Trong thời gian chuyển tiếp chờ đợi thực hiện cải-tổ toàn-diện giáo dục và thi-cử, các kỳ thi vẫn được duy-trì và cần áp-dụng ngay trong năm tới những biện pháp sau đây trong các kỳ thi cử.

I. Áp dụng rộng rãi đề thi trắc nghiệm (test) :

Trong các kỳ thi hiện nay loại đề trắc-nghiệm được áp dụng nhưng chỉ cho vài môn như công-dân, sử-địa. Chúng tôi đề nghị nên áp dụng rộng rãi cho các môn khác vì câu trắc-nghiệm có những ưu-điểm sau đây:

a. Kiểm soát được đa số những điều học hỏi của thí-sinh vì các câu hỏi sẽ được chọn rải rác trong chương trình học. Có thể cho những câu hỏi thuộc về chương trình các niên-học trước hay những câu hỏi về kiến thức tổng quát khác. Câu hỏi trắc nghiệm tránh được lối học tủ,

(1) Trần-ngọc-Minh, cải-tổ thi-cử, những vấn đề văn-hóa Gd + XH

Tổng Bộ Văn-Hóa, Giáo-Dục, Xã-Hội 1966 trang 155.

của thí sinh và thể thức ra đề cổ điển có tính cách may rủi.

b. Khi làm câu hỏi trắc-nghiệm tránh được tình-trạng thí-sinh chép bài lẫn nhau trong phòng thi vì thí sinh càng cố gắng gian lận càng bị mất thì giờ đồng thời tránh được các giám thị nhắc bài cho thí sinh. Luôn vậy, các câu trắc nghiệm trong I môn thi có thể giống nhau nhưng đảo ngược thứ tự, tuy nhiên vẫn tôn trọng nguyên tắc câu dễ trước, khó sau.

c. Tránh được việc chấm thi thiếu công bằng của giám-khảo vì chỉ cần dùng các "chìa khóa chấm điểm" một cách máy móc và rất nhanh chóng.

d. Không sợ lộ đề thi nhưng nếu có lộ cũng không hại mấy vì khi thí sinh đã đọc và đã làm được tất cả coi như đã hiểu bài, đối với thí sinh không chịu học cũng không thể nhớ hết các câu trả lời khi vào trong phòng thi.

e. Đề trắc nghiệm có thể giữ lại dùng cho các kỳ thi sau, như trong quân-đội hiện nay vẫn áp dụng. Không thí sinh nào có thể nhớ tất cả những điều đã làm trong khi thi, hơn nữa, đề có thể sử dụng cách nhau vài niên-khoá.

f. Tránh được tốn kém về chi phí giấy làm bài cho thí sinh. Mỗi thí sinh chỉ cần một "bảng trả lời" trong I trang giấy là đủ.

Trong mỗi đề trắc nghiệm, các câu hỏi nêu ra dưới 3 hình thức: trắc-nghiệm đúng sai, trắc-nghiệm lựa chọn, và trắc-nghiệm điền khuyết.

Thí dụ : loại câu trắc-nghiệm đúng, sai :

Trong khoảng chân không mọi vật rơi nhanh bằng nhau (2)

- Trả lời : - Đ
- S

Thí dụ : loại câu trắc-nghiệm chọn lựa :

- Đạo-luật cho phép Tổng-Thống Roosevelt được quyền can-thiệp vào đời sống kỹ-nghệ của Hoa-Kỳ là :

Trả lời : a. Emergency Banking Act
b. Agricultural Adjustment Act
c. National Industrial Recovery Act
d. Tennessee Valley Development Act (3)

Thí dụ : Loại câu trắc-nghiệm điền-khuyết :

1. Vũ-văn-Nhậm
2. Nguyễn-tri-Phương
3. Trần-quang-Điều

Trả lời :

- a. một võ-tướng thời Tây-Sơn bị Nguyễn-Vương bắt được và bị kết án tử hình.
- b. người tuân-tiết khi thành Hà-Nội thất thủ
- c. một võ-tướng thời Tây-Sơn bị Vua Quang - Trung giết.
- d. người đã hy-sinh, nhin đói, chịu đau mà chết khi bị Pháp bắt.
- e. văn-quan thời Tây-Sơn có công dịch-van chữ Hán ra chữ Nôm (4)

Muốn cho việc thi câu hỏi trắc-nghiệm có kết quả, đề thi cần được soạn thảo kỹ-lưỡng, đem thí-nghiệm và sửa chữa trước khi áp-dụng để tránh những thiếu sót có thể làm sai lệch sự công bằng và mục-đích của kỳ thi.

2. Phát thanh đề thi :

Đối với các kỳ thi hiện còn tổ chức đồng loạt trên toàn-quốc, như kỳ thi Tiểu-Học tráng-niên, nhập học Đệ-Thất công-lập, Đệ-Ngũ Kỹ-Thuật, Trung-Học I cấp tráng-niên, Tú-Tài kỹ-thuật và phổ-thông, . . . cần nghiên cứu một số môn thi mà đề tài có thể phát thanh được và thực hiện càng sớm càng tốt. Khi giờ thi sắp bắt đầu, nhân-viên của cơ-quan khảo-thí Trung-Ưong chỉ cần 15 phút mang đề thi đến Đài Phát-thanh nhờ xướng-ngôn-viên làm công việc truyền thanh trên làn sóng điện. Vào giờ đó trong mỗi phòng thi trên toàn quốc, giám-thị thi hành lệnh mang vào mỗi phòng mình phụ trách một máy thu thanh. Đến giờ thi bắt đầu, cứ việc mở máy ra nghe, giám-thị chép đề lên bảng đen trong khi thí sinh cũng theo dõi ghi chép và làm bài.

(2) (4) Nguyễn-tú-Minh, Phương-pháp trắc-nghiệm, giáo-dục Nguyệt-San số 24 tháng II/68 tr. 59

(3) Đề thi trắc-nghiệm Sử-Địa Tú-Tài II ngày 3.9.69

a, b, c, d, : Nguyễn-hữu-Dung : có thể tiến tới chế độ khảo-thí công bằng và hữu-nghĩa hơn không. Quê-Hương số 31 năm 1962 tr. 73, 74.

Công việc này giải quyết được nhiều khó-khăn, phiền-phức như in đề, lộ đề thi, di-chuyển, bảo mật đề thi và các tốn kém khác.

Tuy nhiên, đối với vài môn thi không thể phát thanh được như. Toán hay Sinh-ngữ cần quay lại việc áp dụng rộng rãi các câu hỏi trắc nghiệm trong phần lý-thuyết giáo-khoa.

3. Thu lệ phí thi cử :

Lệ-phí thi cử trước đây đã áp dụng nhưng bị bãi bỏ từ năm 1961 vì lý do bầu cử của cố Tổng-Thống Ngô-đình-Diệm nay cần tái-lập vì có những lợi điểm sau :

a. Giúp chánh-quyền thu được số ngân-khoản góp vào chi-phí thi cử thay vì phải đài thọ tất cả như hiện nay. Chúng tôi đề nghị thu lệ-phí thi cử theo giáe-biểu sau đây cho Trung-Học Kỹ-Thuật, phổ-thông và Đại-Học :

- Thi Tiểu-Học, giáo-dục cưỡng bách	: miễn lệ-phí.	
- Trung-Học Đệ Nhất-Cấp	: 150\$	mỗi thí sinh.
- Tú-Tài I	: 200\$	-1-
- Tú-Tài II	: 250\$	-1-
-Chứng-chỉ Đại-Học	: 300\$	-1-

Như vậy, nếu tính riêng lệ phí thu được do kỳ thi Tú-Tài I phổ-thông ngày 12.8.1969 năm nay sẽ lên tới :

$$200\$ \times 62.616 = 12 \text{ triệu } 523.200\$.$$

b. Việc thu lệ phí thi cử có tác-dụng tâm-lý khiến thí-sinh không đi thi bừa bãi để cầu may. Nhưng nếu họ cố tình đi thi cầu may, chẳng nữa chính-quyền cũng đỡ tốn-kém phải chi-tiêu vô lý cho loại thí sinh này.

c. Việc đóng góp như trên có tính cách công bằng và hợp-lý, thực hiện như bổn phận của một công-dân nhất là họ được đi học. Tại các quốc gia tân-tiến, người đi học đã phải chi tiêu cho việc học của họ một số tiền rất lớn để đỡ bớt gánh nặng cho quốc-gia.

Tuy-nhiên, đối với những thí-sinh nghèo, chính-quyền cần nâng đỡ và có thể cho miễn lệ-phí một cách dễ dãi khi có đơn xin và có thị-thực chữ ký của viên chức Hành-Chánh cấp Phường ở đô-thành, cấp Xã ở địa-phương hoặc của Hiệu-Trưởng trường học của đương sự là đủ.

4. Cải-thiện tình trạng giám-thí gác thi :

Ngoài ra, cần nghiên-cứu một số biện-pháp cải-thiện tình-trạng

thiếu lương tâm và kỷ-luật của các giám-thị phòng thi buộc họ thi hành nghiêm-chính các nguyên-tắc khảo-thí như mở các khóa huấn-luyện tu-nghiệp giám-thị khảo-thí, ban hành biện-pháp chế-tài. Đây là một vấn-đề nhỏ nhưng đã gây dư-luận lớn nhất là tại các hội-đồng thi ở địa-phương dân chúng thường ta thán và có khi mất tin-tưởng hoàn toàn sự công bằng của thi-cử. Ngày nào còn tệ trạng giám-thị thiếu lương-tâm, không tôn trọng kỷ-luật, ngày đó thi cử còn bất công và thối nát.

Các giải-pháp trên đây có tính cách nhất thời giúp giải-quyết phần nào các khó khăn về vấn đề thi cử hiện tại. Cần có những giải-pháp lâu dài cải-tổ toàn-diện nền giáo-dục và thi-cử nước nhà được trình bày trong đoạn B sau đây :

ĐOẠN B : GIẢI-PHÁP DÀI HẠN :

Thực-thi Hiến-Pháp thành lập Hội-Đồng Văn-Hóa Giáo-Dục Quốc-Gia.

I. Qui-định chính sách giáo-dục quốc-gia với những mục-tiêu rõ-rệt, theo đúng với nhu cầu và tiến triển của xứ sở với kế-hoạch thực-hiện chia ra làm nhiều giai-đoạn và tôn trọng thời gian ấn-định công-tác dành cho mỗi giai-đoạn gồm các điểm sau :

a. Thực-thi đường lối giáo-dục hữu ích và hữu-hiệu : Giáo-dục không phải đào tạo người có văn-bằng mà đào tạo công dân hữu-ích cho quốc-gia.

b. Cải tổ toàn-diện cơ-cấu tổ chức hiện nay. Bộ Giáo-Dục nên phân-quyền cho địa-phương quan-trị và điều-hành cơ-sở giáo-dục và chỉ giữ quyền giám hộ mà thôi. "Thành lập 50 đơn-vị giáo-dục căn cứ trên số Tỉnh và Thị-Xã hiện-hữu trên toàn quốc" mỗi đơn-vị có cơ-quan điều hành công cử và cơ-quan cố vấn dân dủ. Các đơn-vị hợp thành 6 học khu có Ban Giám-Đốc-Học khu công cử và Hội-Đồng Giáo-Dục-Học khu dân cử (5).

c. Cải-tổ hệ thống các lớp học theo khuyến cáo của cơ quan UNESCO 1964 từ lớp vỡ lòng đến hết ban Trung-Học chia là 12 lớp từ lớp I đến lớp 12. Giáo-dục Tiểu-Học phải đặt trên căn-bản cưỡng bách, Trung-Học là cấp giáo-dục định hướng và thực dụng, đại-học với mục-đích phát minh và lãnh đạo.

d. Bành trường hệ -thống trường Tổng-hợp hiện nay vừa bắt đầu thực hiện là môi trường tốt cho thanh niên có thể theo đuổi việc học, nếu không họ cũng có một số cửa ngang (porte latérale) để ra đời nữa chừng mà vẫn có số vốn nghề-nghiệp sinh sống.

(5) Phúc-trình kế-hoạch kinh-tế hậu-chiến 1967, tập 3, tr. 618.

e. Sửa đổi chế độ tư-thục: ấn định qui-chế tư-thục đòi hỏi sự thi hành nghiêm chỉnh, cử thanh-tra giáo-dục thường-xuyên quan-sát trường ốc, tình trạng vệ-sinh, nhân-viên, học-sinh, ngăn ngừa cạnh-tranh bừa bãi và bất chính giữa các tư thục với nhau.

f. Bán công hóa các trường công và tư, bằng phương-pháp đòi hỏi học sinh trường công đóng học-phi, hạn-chế gia-tăng học phí của tư-thục cử nhân-viên dần dần vào việc điều hành các trường tư-thục V.v... Đề nghị này có thể bị chống-đoi vì tâm-lý quần-chúng xưa nay thường quan-niệm trẻ em được vào học trường công là giao-phó tất cả việc dạy dỗ và những đài thọ vật-chất do chánh-quyền. Họ quên rằng tại các quốc - gia tân-tiến người đi học phải tốn kém rất nhiều cho việc học của mình. Hơn nữa, thà phải trả số học-phi tương-đoi để con em được theo học trường công còn hơn là đa số trẻ em phải đi học trường tư như hiện nay. Vấn - đề này chánh-quyền phải có phương-pháp giải-thích sâu rộng cho dân chúng hiểu.

g. Thành lập đài truyền hình giáo-dục bắt đầu chung cho toàn quốc, sau đó cho mỗi học khu, giảng dạy một số môn học giống nhau cho tất cả học-sinh toàn quốc. Áp dụng kỹ-thuật tân-tiến vào việc ngũ-quan hóa việc học vấn của học-sinh.

h. Sửa đổi chương trình giảng huấn thích hợp với hoàn cảnh địa-phương. Các trường ở Thủ-Đô, miền Đông bằng, Duyên-hải hay Cao-Nguyên, cần có chương trình giảng dạy cho học sinh tùy theo nếp sinh hoạt và tập tục địa-phương chú-trọng đến các môn học thực dụng cho mỗi địa-phương. Áp dụng biện-pháp trên đây có điểm lợi là giúp cho địa-phương có ngay một số chuyên-viên hay một số người có khả năng đóng góp vào những chương trình xây dựng phát triển địa-phương, khi nhu cầu đòi hỏi. Tuy-nhiên chương trình giảng huấn phải áp dụng chung cho toàn-quốc một số môn học căn-bản nòng-cốt dự-phòng trường hợp người đi học di chuyển từ địa-phương này đến địa-phương khác có thể tiếp tục việc học mà không bị bỏ-ngờ. Số môn học nòng cốt áp dụng chung nêu trên có thể do hệ - thống truyền-hình giáo-dục phụ-trách giảng-huấn. Chương trình giảng - huấn cũng cần nên chú trọng đến các môn học thực-dụng cho mỗi địa-phương, chú trọng kỷ-luật và đạo-đức học đường nhất là ở cấp Tiểu-Học và Trung-Học. Các môn học cũ gồm những bài vở về sâu-bi yếm thế, uống rượu chầu đờ nên bãi bỏ thay vào giáo-dục chánh-trị, luật-pháp và xã-hội ở trung học (tức lớp 6 đến lớp 12).

i. Xây dựng thêm trường ốc để giải-quyết tình trạng khan-hiếu, lớp học cá nôi như hiện nay. Thu nhận học sinh lớp nhất (tức lớp 5) vào đệ thất (tức lớp 6) để giải-quyết kỳ thi đệ-thất đã bị chỉ-trích từ trước.

Ngân-khoản tài trợ cho công cuộc này không phải hoàn toàn đòi hỏi nơi Ngân-sách quốc-gia. Việc thu học-phí học-sinh trường công như đã đề-nghị trên cũng là 1 nguồn tài chánh dồi dào sử dụng để xây dựng và mở mang trường ốc.

j. Phát-triển kỹ-thuật và chuyên-nghiệp : thiết lập thêm nhiều trường kỹ-thuật và chuyên-nghiệp, đào tạo cấp tốc một số thợ chuyên môn để họ bắt tay vào việc phục hưng xứ sở. Hiện nay sĩ số học sinh theo học kỹ-thuật chuyên-nghiệp so với sĩ số học sinh phổ-thông ở nước ta quá thấp : 2,13% trong khi đó ở Nhật-Bản 1958 tỉ số 40% (6), ở Tây Đức 60%, ở Hoa-Kỳ 50%, ở Trung-Hoa Quốc-Gia 30% (7).

k. Đào tạo nhân-viên giảng huấn : Sửa đổi qui chế giáo chức tạo điều kiện cho họ có cơ hội tiến thân, tạo niềm hi-vọng khi phục-vùng-nghiệp. Tổ chức tu-nghiệp cấp tốc số giáo-chức hiện-hữu vì đa số chưa được huấn luyện sư-phạm đồng thời đào tạo thêm giáo chức mới cho tỉ-số lý tưởng giáo chức với học sinh là 1/30. Chánh-quyền nên chú trọng về phương-diện tác phong và đạo-đức của giáo chức, tạo cho họ niềm hạnh diện, yêu nghề trong khi phục vụ.

l. Gia tăng ngân sách giáo dục để tài trợ thực hiện chương trình mới. "Ngân-khoản dùng vào giáo dục phải hiểu là kinh-phí thuộc loại đầu tư chứ không phải tiêu thụ, nó không có lợi ngay nhưng sẽ có lợi trong tương lai và có 1 giá trị rất cao" (8). Bác-sĩ Nguyễn-lưu-Viên đã nhận định : "... Chính sách, chương trình, kế-hoạch đều biến-thành vô dụng nếu không có người và phương tiện để thực hiện nó" (9). Ngân-sách giáo-dục phải chiếm 20% tổng số ngân-sách quốc-gia như tại các nước tiên-tiến.

m. Tổ chức đời sống sinh-viên, học sinh, bằng cách phát triển sinh hoạt học đường, thành lập thư-viện, phòng đọc sách, nơi giải trí, quán cơm xã-hội, tổ chức các công tác tập thể như đến làm việc tại các khu lao-động, làng cô-nhi, Thành lập các ký-túc-xá, khu đại-học, cổ võ phong trào thể-dục, thể-thao ...

2. Hoàn thiện việc tổ chức thi cử :

a. Thay thế dần dần hệ thống thi cử (examination system) bằng hệ thống tín chỉ (credit system) áp dụng từ đại học xuống trung-học, tiểu học và trao việc cấp phát văn bằng cho mỗi trường (10). Như vậy, việc lấy văn bằng không còn là 1 kinh hoàng và vấn đề may rủi đối với người

(6) Theo Đoàn-văn-An Giáo-Dục Nhật-Bản hiện đại 1965, tr. 177.185

(7) Theo Trần-an-Nhan, luận-đàm số 12 tháng 12 : 1961, tr.43.

đi học mà trở thành có gắng trung bình và đều đặn. Sự cải-cách này nếu thi hành vội vã sẽ tạo thành tình trạng vô kỷ-luật trong học-đường lý do nhiều tư-thực và trường công còn bắt cấp, nhiều giáo chức còn thiếu khả năng. Việc trao quyền tự trị về thi-cử xem vậy như việc dân chủ-hóa, chỉ có thể thực hiện dần dần tùy theo trình độ của học-đường. Cần ấn-định một số tiêu-chuẩn tối thiểu về việc xét giá-trị các trường. Cần-cứ vào những tiêu chuẩn đó, sau khi được Học Khu duyệt-xét, các trường được cấp văn-băng cho học-sinh có Giám-Độc Học Khu và Hội-Đông Giáo-Dục kiểm nhận. Trái lại trường nào thiếu điều kiện thì học-sinh phải dự thi do học khu tổ chức. Quyền cấp - phát văn bằng cũng có thể bị rút lại nếu nhà trường không giữ được các tiêu-chuẩn ấn-định hay đã lạm dụng⁽¹¹⁾. Trên đây là trích dẫn quan điểm của Nhóm Kinh-tế hậu-chiến. Chúng tôi hoàn toàn tán thành quan điểm đó. Khi thực hiện hoàn hảo việc trao quyền cấp phát văn bằng cho các trường coi như vấn đề thi-cử TIỀN TẶNG trong việc học và diễn tiến trong phạm vi nhà trường, như vậy, vừa thực hiện được nguyên tắc dân chủ trong giáo-dục vừa giải-quyết được biết bao phiền toái do thi-cử gây ra như hiện thời.

Tuy nhiên, có người đặt lại vấn đề, cho rằng việc trao quyền cấp phát văn bằng như vậy sẽ xảy ra tình trạng lạm phát văn-băng, hơn nữa giá trị các văn-băng sẽ chênh-lệch gây trở ngại cho việc thu-dụng những người đó vào làm việc trong các cơ sở công, tư. Văn nạn trên được trả lời khi thực hiện phương-pháp sau đây :

b. Bãi bỏ đặc quyền cho người có văn-băng :

Xã-hội không công nhận người có văn-băng như điều-kiện độc-nhất khi thu dụng họ vào làm việc tại bất cứ cơ-quan nào. Văn bằng chỉ là chứng từ xác nhận trình độ học vấn của họ. Luôn tuyển dụng nhân-viên, các cơ-quan vừa đòi hỏi văn-băng vừa đòi hỏi khả năng thực sự của họ bằng cách sát hạch về kiến thức chuyên môn nghề-nghiệp hay tài năng cá nhân đặc-biệt. Thực hiện như vậy sẽ đánh đổ được "óc mô tín" văn-

- (8) Nguyễn-quang-Quỳnh : Văn đề giáo-dục tại các quốc-gia chậm tiến, Quê-hương số 20 tháng 2/1963., tr. 48.
- (9) Nguyễn-lưu-Viên : chính sách văn-hóa giáo-dục, giáo-dục nguyệt-san số 8 tháng 2/1967, tr. 3.
- (10) Trong khi chúng tôi viết bài này, Dân-Biểu Nguyễn-thế-Linh, Chủ-Tịch Ủy-Ban Giáo-Dục Hạ-Nghi-Viện soạn thảo dự-luật đệ-trình Quốc-Hội về việc cải tổ giáo-dục và thi-cử. Theo chúng tôi được biết qua sự phỏng-vấn của phóng-viên trên đài truyền-thanh, nội dung dự-luật có nhiều điểm tương đồng với bài nghiên-cứu của chúng tôi.
- (11) Phúc-trình kế hoạch hậu-chiến 1967 tr.611 của Nhóm Kinh-tế hậu-chiến đệ trình.

bằng, y lại vào văn bằng như yếu-tố văn năng để ăn trên ngồi trước như quan-niệm hiện nay, đối với những kẻ kém tài nhưng may mắn thi đỗ. Có như vậy, mọi công dân đều thấy luôn luôn cần trau dồi tài đức, phát triển kỹ-năng nghề nghiệp. Lúc đó các học đường sẽ thi-đua cải tiến không ngừng công cuộc đào tạo những học-viên giỏi để nâng-cao uy-tín của nhà trường và nâng cao giá-trị văn bằng của nhà trường cấp phát. Ngược lại, những trường nào còn có óc thương mại, làm việc cầu tha, học viên xuất thân từ trường đó sẽ thấy rõ sự kém cỏi của họ trước của ngõ xã-hội và do đó sẽ không còn ai theo đuổi những quang cao ve-vãn của họ nữa nhất là thiện-chí của những người cầu học.

Việc trao quyền cấp phát văn-bằng và áp dụng thể thức tín chỉ nên áp dụng ngay cho một số thí điểm tại các trường Trung-Học danh tiếng hiện nay như Pétrus-Ký, Chu-văn-An, Gia-Long, Trưng-Vương, Cao-Thắng, Nguyễn-dình-Chiếu (Đình-Trường), Phan-thanh-Giản (Cần-Thơ) Quốc Học (Huế)... và lan rộng dần đến các trường thứ hạng khác, sau hết là các trường tư-thục nếu họ đã cải-tổ theo những đường lối về chính-sách giáo dục kể trên.

Chúng tôi tin tưởng với thành phần chánh-phủ hiện nay có khuynh hướng phục hồi địa vị giáo-dục với sự hiện diện của 2 chức chương Quốc Vụ Khanh đặc trách văn-hóa và Phó Thủ-Tướng kiêm Tổng-Trưởng Giáo-Dục. Trong thông-diệp đọc trước lưỡng-viện Quốc-Hội ngày 6.10.1969, Tổng-Thống Việt-Nam Cộng-Hòa Nguyễn-văn-Thiệu cũng đã đề cập đến vấn đề phát-triển giáo-dục và cải-tổ thi-cử. Trên lãnh-vực phát-triển giáo-dục, ông nêu lên các điểm :

- Phân quyền giáo dục cho địa-phương
- Phát-triển giáo-dục Kỹ-thuật và Chuyên-nghiệp
- Thiết lập hệ-thống giáo-dục 12 năm
- Canh-tân chương trình giảng-huấn và cải tổ thi cử.
- Tái lập phong trào sinh hoạt học đường
- Thành lập hệ-thống truyền hình giáo-dục do sự trợ-giúp của quốc gia Nhật-Bổn. Thời gian dự trù thực hiện từ 1970 và hoàn tất vào năm 1972 (12)

Nhận định về kế-hoạch của Ông, dư-luận không lấy làm ngạc-nhiên thân phục vì đó không phải là một sáng kiến mới mẻ trên lãnh vực giáo-dục, người ta chỉ chờ đợi chánh quyền thực-sự bắt tay vào việc thực-hiện hay chưa. Điều cần thiết hiện tại là hành động mà không phải hứa hẹn hay bàn cãi nữa vì đã quá muộn.

(12) Thông-diệp của Tổng-Thống VNCH Nguyễn-văn-Thiệu trích dẫn trên tuyên-đọc trước Quốc-Hội ngày 6.10.1969 sau khi chúng tôi đã đề nghị nạp bản thảo lên GS hướng dẫn. Vì vậy việc hợp lý hóa về Dân-Y bài nghiên-cứu này đối với các điểm đề-xướng của Tổng-Thống Nguyễn-văn-Thiệu, chúng tôi không thể thực hiện được.

Tuy muốn còn hơn không, chánh-quyền phải khẩn cấp trùng tu lại căn nhà giáo-dục đã đổ nát đáng lẽ ra công cuộc này phải được thực hiện từ khi nước nhà thu hồi độc lập thật sự vào thời Đệ-Nhất Cộng-Hòa năm 1954. Nếu chánh-quyền vẫn thờ ơ chắc chắn những nhà lãnh đạo quốc-gia sẽ đắc tội với lịch-sử dân tộc.

■ ■

■

PHẦN TÔI - KẾ

"Thư-nhan"

K

ế-hoạch hóa giáo-dục là điều rất cần thiết đối với các quốc-gia chậm tiến. Nền giáo-dục Việt-Nam trong đó có vấn đề thi-cử cần cải tiến phát triển về phẩm cũng như về lượng để vươn mình theo đà tiến-bộ của thế giới vì giáo-dục là thành tố chủ yếu quyết-định sự tiến bộ của I dân tộc. Nước Nhật ngày xưa, vào tiền-bán thế-kỷ thứ 19 cũng ở trong tình trạng chậm tiến như nước ta về mọi phương-diện : chế-độ, xã-hội, học-thuật, văn-hóa, hoàn-cảnh Nhưng qua nhiều lần duy-tân Nhật-Ban đã cải-biến và trở thành một cường quốc đứng đầu thế giới về nhiều lãnh-vực. Riêng lãnh vực giáo-dục, chúng ta thử tìm lại con đường họ đã đi qua khá dễ rút tĩa vài kinh-nghiệm về sự thành công của họ.

A. RÚT TĨA KINH-NGHIỆM CẢI-TIẾN GIÁO-DỤC CỦA NHẬT-BẢN

Trước năm 1868 ngành giáo-dục Nhật-Ban xảy ra ân-thảm trong các ngôi chùa tĩnh-mịch do các vị tăng già Phật-Giáo hay những người nhậm chức công-danh mở trường dạy học. Trẻ em lớn lên đi học thì được cúng lễ "Vào Chùa" (Terairi) hay "lên núi" (Tozan), học sinh được gọi là "con cháu nhà chùa" (Terako). Sách vở của Khổng-tạnh, lễ-lối học-tập từ chương không hơn gì nước ta vào thế-kỷ thứ 19 giáo-dục được treo pho cho những ông thầy Đồ sau lũy tre xanh trong ba gian nhà cỏ.

Đến thời Minh-Trị, Bộ Giáo-Dục đầu tiên được thành lập ở Nhật năm 1869, Bộ này soạn thảo quyền "chế độ giáo-dục của các học-đường quốc gia" ban hành vào mùa thu 1872 ấn định tổ chức, chương trình giáo - dục trên toàn quốc.

Theo kế-hoạch đề ra, cứ 600 nhân-khẩu phải thành lập một trường tiểu-học, 210 trường tiểu-học do một trường trung-học cai-quan, 32 trường trung-học phải lập một trường đại-học. Và như vậy Nhật-Ban phải có 8 trường đại-học, 256 trường trung-học, 53.760 trường tiểu-học. Vào thời trên Nhật-Ban đã áp dụng hình-thức phân-quyền giáo-dục cho địa-phương, tổ chức nhiều khu-vực giáo-dục, thành lập ở mỗi Phu, Huyện, Văn-Phong điều tra học-đường (Prefectural school investigation Bureau) thừa lệnh trung-ương tùy theo nhu cầu quản-trị và thiết lập các trường sở. Giáo-Dục cưỡng-bách hết bậc Tiểu-

học, 3 năm trung-học).

Số học sinh tiểu học tăng từ 1.326.190 học-sinh năm 1873 đến 12.616.311 năm 1956. Số học sinh trung-học (đệ I cấp) tăng từ 1.767 học sinh năm 1873 đến 5.962.499 năm 1956. Thành quả của công việc cường bách giáo-dục đã đưa Nhật-Bản lên hàng đầu thế-giới về số trẻ em từ 6 đến 15 tuổi được đi học trên toàn quốc là 99,89% trong khi ở Anh có 99,7%, Hoa-Kỳ 99%, Pháp 98%, Ý 94%, Trung-Hoa 94% (1).

Đa số thanh-niên Nhật đều tốt nghiệp Cao-Đẳng (tức có bằng Tú-Tài II nước ta). Trong 100 thanh-niên nam-nữ Nhật trung-bình có 65 người theo học và tốt-nghiệp các Trường Cao-Đẳng. Tỷ-số học sinh theo học các trường cao-đẳng trong lứa tuổi 16 đến 19 tuổi là 99,56%.

Về phát triển Đại-Học, năm 1878 có 1.750 sinh-viên đến 1958 tăng lên 649.314 sinh-viên theo học trong 503 trường đại-học. Theo Giáo-Sư Nguyễn-van-Trung cứ 100.000 người dân thì ở Nhật có 500 người có trình độ đại-học, ở Pháp có 335 người, Việt-Nam 34 người. Tổng-số sinh-viên theo học ban Tiến-Sĩ và Bác-Sĩ (2) ở Nhật năm 1958 là 14.308 người trong khi ở Việt-Nam năm 1969 có 1678 người kể cả các ban Cao-Học và các sinh-viên năm thứ 5 Y-Dược trở lên.

Ngành kỹ-thuật và chuyên-nghiệp ở Nhật cũng rất phát triển, năm 1961 có tới 40% tổng số học sinh theo học ngành này so với Đức 60%, Hoa-Kỳ 50%, Trung-Hoa 30% và Việt-Nam 2,13%. Ở Nhật không có những kỳ thi gieo kinh hoàng cho học-sinh như nước ta. Học sinh theo học, nhà trường có bổn phận đào tạo và thúc đẩy họ cố gắng cho đến khi tốt nghiệp. Có 1/2 học sinh trung-học được vào Đại Học trong khi ở Việt-Nam con số vào khoảng 13%. Tuy nhiên, khi tốt nghiệp ở I cấp và muốn vào cấp trên học-sinh Nhật phải dự các kỳ thi nhập học và khó khăn nhất là đối với các học-sinh tốt-nghiệp Cao-Đẳng thi vào các đại học danh tiếng như Đại-Học Tokyo, Waseda, Keio. Tỷ lệ thí sinh đỗ/ thí sinh rất những kỳ thi nhập học ở các đại-học này thường là 1/5, 1/6 có khi tới 1/15, 1/20 như ở Đại-Học Tokyo số thí sinh dự thi năm 1960 là 9.923 người, trúng tuyển 2.155 sinh

(1) Nguyễn-van-Trung, góp phần phê-phán giáo-dục và Đại-Học, trình-bày 1967 tr. 54.

(2) Đoàn-văn-An, Giáo-Dục Nhật-Bản hiện đại, tr. 248

viên, tỉ lệ 1/6. Tuy vậy, chúng tôi không quan-niệm hiện-tượng đó như là 1 khuyết điểm về thi-cử ở Nhật ngược lại Nhật-Bản đã thực hiện đúng đắn về quan niệm thi tuyển. Tổ chức kỳ thi tuyển như vậy, các trường đại-học danh tiếng ở Nhật đã có lý khí số sinh-viên thu nhận có hạn nhưng số người ái mộ như 1 vinh dự khi được làm sinh-viên của nhà trường. Nhưng không phải những người thi rớt là bị bỏ rơi, họ có thể theo học các đại-học khác, điều kiện thu nhận dễ dàng, quản trị và tổ chức giống nhau nhưng thiếu danh tiếng, hoặc khi ra xã-hội thanh niên Nhật không phải bơ vơ lạc lõng như những thanh-niên Việt-Nam có Tú-Tài II vì họ đã được đào tạo một số kiến thức thực dụng ngay từ những năm vào tiểu-học.

Tóm lại, qua 80 năm duy-tân (1878-1958) Nhật-Bản đã nâng cao trình độ văn-hóa dân tộc lên ngang hàng với các nước trên thế-giới. Giáo-Sư Đoàn-văn-An đã nhận xét như sau : "Khi hỏi người con gái bán vé trên xe buýt, vào bệnh viện hỏi người nữ khán-hộ, đến tiệm hớt-tóc hỏi người thợ cúp, vào tiệm tạp hóa hỏi người bán hàng, đến tiệm ăn hỏi người nấu bếp vào công sở hỏi người thư-ký đánh máy... thì ra hầu hết đã tốt nghiệp cao-đẳng, có số lại tốt nghiệp đại-học" (3)

B . VÁCH CHIỀU-HƯỚNG GIÁO-DỤC VÀ THI-CỬ CHO VIỆT-NAM HẬU-CHIẾN

Trên bình diện giáo dục, nước ta chưa khởi hành đi vào con đường cải tổ trong khi Nhật-Bản đã thực hiện công cuộc đó 1 thế - kỷ trước chúng ta (1869). Việt-Nam vẫn còn học-học trong chiến tranh tương tàn dai dẳng kéo theo bao nhiêu ảnh hưởng suy đồi về kinh-tế, văn hóa, xã-hội khác. Người ta vẫn đổ tội cho chiến tranh để không thực hiện công trình nào hơn công trình do chiến tranh đòi hỏi. Trường học đổ nát vì bom đạn. Học trò mất thầy. Thầy dạy đổ tác trách lấy lệ để chờ ngày nhập ngũ. Đời sống của cả thế hệ thanh-niên buồn khổ và trụy lạc hôm nay để ngày mai đem ra cho chiến tranh tiêu-hủy. Hậu-quả của tình trạng đó sẽ để lại cho thời hậu chiến một lỗ hổng to lớn nếu chúng ta không nhìn thấy và không sửa đổi ngay từ bây giờ.

Việt-Nam phải bắt đầu ngay những gì Nhật-Bản đã làm trước đây 100 năm, rút tỉa những ưu-khuyết điểm của họ, của các quốc-gia tân-tiến khác, mạnh danh trên đường tiến bộ, rút ngắn một số giai-đoạn và 30

(3) Đoàn-văn-An, sách đã dẫn tr. 190.

30 năm sau Việt-Nam sẽ có một thế hệ thanh-niên không còn buồn khổ vì học hành thi cử, không còn hiểu biết lý-thuyết vụn vặt, từ chương mông lung không tương mà hoàn toàn về cả 3 phương-diện : trí, đức, và thân. Yếu tố quyết định cho sự thành công là chánh-quyền phải xứng xuất, nhân dân sẽ sẵn sàng tham-gia. Muốn gieo trồng 1 loại cây cối chúng ta phải mất 1 năm, 10 năm nhưng gieo trồng một xã-hội con người phải mất 100 năm như Khổng-Tử đã nói : "Nhất niên chi kế mạc như thụ cốc, thập niên chi kế mạc như thụ mộc, bách niên chi kế mạc như thụ nhân".

CHU TH

TÀI-LIỆU THAM-KHẢO

I. SÁCH

JOHN W. HANSON : Education and Development of Nation
Education taste of Nation

MUHAMAD SHAMSUL HUG : Education and Development
Strategy in South and South-East Asia

JAMES MONROE HUGHES : Education in America

MINISTRY OF EDUCATION JAPAN : Education in Japan

ĐOÀN-VĂN-AN : Giáo-dục Nhật-Bản hiện-đại 1965

NHÓM NGHIÊN-CỨU KẾ-HOẠCH HẬU-CHIẾN : Phúc-trình về chính-sách và
Chương-Trình phát-triển trường kỳ của Việt-Nam
Cộng-Hòa 1967.

ỦY-BAN NGHIÊN-CỨU GIÁO-DỤC VIỆN ĐẠI-HOC WISCONSIN - STEVENS-POINT :
Phúc-trình sơ-khởi về các Viện Đại-Học Công-lập
ở Việt-Nam 1967.

Nền giáo-dục VN : Những đề-nghị cải-tiến 1967.

VIỆN QUỐC-GIA THỐNG-KÊ : Quyển 14 năm 1968.

VIỆN ĐẠI-HOC SAIGON : Chỉ nam sinh-viên 1966.

VIỆN ĐẠI-HOC CẦN-THƠ : Chỉ nam sinh-viên 1966.

TRẦN-NGỌC-NINH : Những vấn đề văn-hóa, giáo-dục Xã-hội 1966.

NGUYỄN-VĂN-TRUNG : Góp phần phê-phán Giáo-Dục - Đại-Học 1967.

NGÔ-ĐÌNH-NHUNG : Đi tìm đường lối giáo-dục thích hợp cho VN(CH)₂

TRƯƠNG-ĐÌNH-THANG : Thực-trạng giáo-dục VN (CH)₂

ĐINH-ĐỨC-HUYNH : Những cái tổ trong chương trình trường học
từ 1963 đến nay (ES 12).

2. TAP-CHÍ :

UNESCO

QUÊ-HƯƠNG

VĂN-HÓA NGUYỆT-SAN

GIÁO-DỤC NGUYỆT-SAN

LUẬN-ĐÀN

BÁCH-KHOA, PHỔ-THÔNG

3. CÁC VĂN-KIỆN LẬP-PHÁP VÀ LẬP QUI liên quan đến giáo-dục và thi cử.

. SẮC-LỆNH

. NGHI-ĐỊNH, QUYẾT-ĐỊNH.

. THÔNG-DIỆP, THÔNG-TƯ, THÔNG-CÁO, VĂN-THƯ

4. HỘI-THẢO : - Tham dự khóa hội thảo thi-cử tổ-chức tại Nha Kỹ-Thuật và Chuyên-Nghiệp Học-Vụ Bộ Giáo-Dục tháng 10/1969.